

DANH SÁCH SINH VIÊN CAO ĐẲNG ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP - ĐỢT 2 - NĂM 2016 (NIÊN CHẾ)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-MĐC ngày tháng năm 2016)

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBTN	Xếp loại TN	Ngành đào tạo	Lớp, khóa
1	1211020249	Lê Hữu	Tiến	16/03/1993	Nam	6.05	Trung bình khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	CCCDK57
2	1111060156	Phùng Đình	Trưởng	20/07/1993	Nam	5.65	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	CCCDTĐ57B
3	1211060019	Bùi Văn	Cao	23/06/1993	Nam	5.83	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	CCCDTĐ57B
4	1211050087	Trần Quang	Nguyễn	27/06/1993	Nam	5.90	Trung bình	Công nghệ thông tin	CCCTCT57A
5	1211050046	Thân Văn	Hiếu	03/08/1993	Nam	6.22	Trung bình khá	Công nghệ thông tin	CCCTCT57A
6	1211050002	Phạm Văn	An	6/21/1994	Nam	6.48	Trung bình khá	Công nghệ thông tin	CCCTCT57A
7	1211050063	Nguyễn Đình	Khánh	10/04/1994	Nam	7.25	Khá	Công nghệ thông tin	CCCTCT57A
8	1211050064	Trần Duy	Khánh	21/12/1994	Nam	5.46	Trung bình	Công nghệ thông tin	CCCTCT57B
9	1211050157	Trương Thị	Dung	6/19/1994	Nữ	5.87	Trung bình	Công nghệ thông tin	CCCTCT57B
10	1211050054	Ngô Thị	Hồng	16/07/1994	Nữ	5.89	Trung bình	Công nghệ thông tin	CCCTCT57B
11	1211050098	Nguyễn Thị Minh	Phuong	11/11/1994	Nữ	6.12	Trung bình khá	Công nghệ thông tin	CCCTCT57B
12	1211050089	Trần Văn	Nhất	9/7/1994	Nam	6.22	Trung bình khá	Công nghệ thông tin	CCCTCT57B
13	1211020067	Trần Đình	Hải	06/11/1994	Nam	5.74	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật địa chất	CCDĐCĐ57A
14	1211020204	Hoàng Kim	Tòan	10/11/1993	Nam	6.22	Trung bình khá	Công nghệ kỹ thuật địa chất	CCDĐCĐ57A
15	1014010026	Phạm Thị Giang	Hà	22/08/1992	Nữ	5.87	Trung bình	Kế toán	CCCTKT55A
16	1111030067	Vũ Hoàng	Long	20/12/1993	Nam	6.19	Trung bình khá	Kế toán	CCCTKT56A
17	1111040139	Cao Thành	Tiến	10/10/1992	Nam	6.08	Trung bình khá	Công nghệ kỹ thuật mô	CCMOKT56A
18	0921040096	Trần Văn	Quang	26/05/1991	Nam	6.35	Trung bình khá	Công nghệ kỹ thuật mô	CCMOKT56A
19	1021040278	Nguyễn Việt	Thắng	19/10/1991	Nam	5.88	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật mô	CCMOKT56B

(Chữ ký)

20	1211040041	Trần Văn	Dũng	21/03/1993	Nam	6.04	Trung bình khá	Công nghệ kỹ thuật mô	CCMOKT57A
21	1211040224	Nguyễn Quốc	Việt	30/06/1994	Nam	6.34	Trung bình khá	Công nghệ kỹ thuật mô	CCMOKT57A
22	1211040133	Ngô Ngọc	Minh	14/10/1994	Nam	5.89	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật mô	CCMOKT57B
23	1111040043	Nguyễn Văn	Đức	25/04/1993	Nam	6.04	Trung bình khá	Công nghệ kỹ thuật mô	CCMOKT57B
24	1111040047	Đông Văn	Hà	16/11/1993	Nam	6.16	Trung bình khá	Công nghệ kỹ thuật mô	CCMOKT57B
25	1211040099	Phạm Quang	Huy	22/02/1994	Nam	6.33	Trung bình khá	Công nghệ kỹ thuật mô	CCMOKT57B
26	1211040139	Dương Văn	Ngọc	29/04/1994	Nam	5.82	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật mô	CCMOKT57C
27	1211040144	Đào Văn	Nhật	30/05/1994	Nam	6.10	Trung bình khá	Công nghệ kỹ thuật mô	CCMOKT57C
28	1211030158	Nguyễn Đức	Thiên	25/07/1994	Nam	5.95	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	CCTDITD57A
29	1111030126	Trần Xuân	Tùng	15/12/1993	Nam	6.24	Trung bình khá	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	CCTDITD57A
30	1111030063	Vũ Đình	Lập	15/12/1993	Nam	5.70	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	CCTDITD57B
31	1211020009	Phương Duy	Anh	16/07/1994	Nam	6.06	Trung bình khá	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	CCTDITD57B
32	1111030056	Phạm Văn	Khiên	21/05/1993	Nam	6.18	Trung bình khá	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	CCTDITD57B
33	1211070019	Dương Hoàng	Duy	04/02/1994	Nam	5.90	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	CCXDXD57A
34	1211070045	Trần Công	Hoan	19/04/1993	Nam	5.56	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	CCXDXD57B

Handwritten signature

Số: 2943 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường đại học”;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy” ban hành kèm theo Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 06 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Xét kết quả học tập của sinh viên cao đẳng khóa 57 hệ chính quy lưu lại;

Căn cứ Biên bản họp ngày 25 tháng 11 năm 2016 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ-Địa chất;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp Cao đẳng cho 02 sinh viên ngành đào tạo: Công nghệ thông tin và Kế toán có tên sau:

- Phạm Quốc Oai sinh ngày 01/10/1994; khóa 57; chuyên ngành Công nghệ thông tin; Ngành đào tạo: Công nghệ thông tin; Điểm Trung bình chung: 6,22; Xếp loại tốt nghiệp: Trung bình khá.

- Đỗ Thị Yến sinh ngày 10/6/1993; chuyên ngành: Kế toán; Ngành đào tạo: Kế toán; Điểm Trung bình chung: 5,93; Xếp loại tốt nghiệp: Trung bình.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / *Đào tạo*

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTDH₍₀₄₎

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Lê Hải An

Số: 2934/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường đại học”;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH ngày 18 tháng 04 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất ban hành kèm theo Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 276/QĐ-MĐC ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Biên bản họp ngày 25 tháng 11 năm 2016 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ-Địa chất;

Xét kết quả học tập của sinh viên đại học khóa 55, khóa 56 và liên thông khóa 59 hệ chính quy;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học cho 04 sinh viên các ngành đào tạo: Công nghệ kỹ thuật hóa học, Công nghệ thông tin và Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa (Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTĐH₍₀₄₎



PGS.TS Lê Hải An

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP - ĐỢT 2 - NĂM 2016 (TIN CHỈ)
(Kèm theo Quyết định số 298/QĐ-MĐC ngày 26 tháng 12 năm 2016)

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TB TN	Xếp loại TN	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Lớp, khóa
1	1021010012	Nguyễn Thế	Anh	7/11/1992	Nam	2,61	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	Lọc-Hóa dầu B - K55
2	1121010272	Hà Ngọc	Son	4/7/1993	Nam	2,26	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	Lọc-Hóa dầu B - K56
3	1121040461	Kommachan	Kham	28/8/1991	Nam	2,18	Trung bình	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	Công nghệ phần mềm - K56
4	1431060001	Trần Tuấn	Anh	26/09/1993	Nam	2,48	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và TĐH	Tự động hóa	L.T Tự động hóa - K59

10/12

Số: 29/12 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường đại học”;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH ngày 18 tháng 04 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất ban hành kèm theo Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 276/QĐ-MĐC ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Biên bản họp ngày 25 tháng 11 năm 2016 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ-Địa chất;

Xét kết quả học tập của sinh viên đại học khóa 54, khóa 55, khóa 56 và khóa 57 hệ chính quy;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học cho 742 sinh viên các ngành đào tạo: Kỹ thuật điện, điện tử, Kỹ thuật Cơ khí, Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Công nghệ thông tin, Kỹ thuật Địa chất, Kỹ thuật Địa vật lý, Kỹ thuật Dầu khí, Công nghệ kỹ thuật hóa học, Quản trị kinh doanh, Kế toán, Kỹ thuật Mỏ, Kỹ thuật Công trình xây dựng, Kỹ thuật Tuyển khoáng, Kỹ thuật Môi trường và Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ (Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTĐH₍₀₄₎



PGS.TS Lê Hải An

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP - ĐỢT 2 - NĂM 2016 (TÍN CHỈ)

(Kèm theo Quyết định số 2912/QĐ-MĐC ngày 26 tháng 12 năm 2016)

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBTN	Xếp loại TN	Ngành	Lớp
1	1021060118	Nguyễn Đức	Thái	02/06/1989	Nam	2.67	Khá	Kỹ thuật điện, điện tử	DCCDDK55
2	1121060162	Bùi Văn	Tuấn	05/06/1992	Nam	2.07	Trung bình	Kỹ thuật điện, điện tử	DCCDDK56A
3	1121060127	Nguyễn Văn	Son	15/08/1993	Nam	2.08	Trung bình	Kỹ thuật điện, điện tử	DCCDDK56A
4	1121060314	Nguyễn Thanh	Tùng	29/05/1992	Nam	2.09	Trung bình	Kỹ thuật điện, điện tử	DCCDDK56A
5	1121060131	Nguyễn Bá	Tâm	10/11/1993	Nam	2.12	Trung bình	Kỹ thuật điện, điện tử	DCCDDK56A
6	1121060225	Nguyễn Quốc	Huy	27/10/1993	Nam	2.15	Trung bình	Kỹ thuật điện, điện tử	DCCDDK56A
7	1121060155	Hoàng Văn	Trung	31/05/1992	Nam	2.15	Trung bình	Kỹ thuật điện, điện tử	DCCDDK56A
8	1121060151	Ngô Xuân	Tiến	12/06/1993	Nam	2.16	Trung bình	Kỹ thuật điện, điện tử	DCCDDK56A
9	1121060286	Phạm Quang	Thành	15/12/1993	Nam	2.21	Trung bình	Kỹ thuật điện, điện tử	DCCDDK56A
10	1121060187	Hà Văn	Cánh	11/01/1993	Nam	2.31	Trung bình	Kỹ thuật điện, điện tử	DCCDDK56A
11	1121060011	Lê Viết	Bình	20/10/1993	Nam	2.57	Khá	Kỹ thuật điện, điện tử	DCCDDK56A
12	1121060243	Ngô Văn	Luân	12/06/1992	Nam	2.67	Khá	Kỹ thuật điện, điện tử	DCCDDK56A
13	1121060119	Thái Bá	Quang	11/04/1993	Nam	2.13	Trung bình	Kỹ thuật điện, điện tử	DCCDDK56B
14	1121060050	Phạm Văn	Hiếu	27/12/1993	Nam	2.17	Trung bình	Kỹ thuật điện, điện tử	DCCDDK56B
15	1121060139	Nguyễn Tiến	Thành	14/09/1993	Nam	2.17	Trung bình	Kỹ thuật điện, điện tử	DCCDDK56B
16	1121060301	Nguyễn Văn	Toàn	26/09/1993	Nam	2.24	Trung bình	Kỹ thuật điện, điện tử	DCCDDK56B
17	1121060088	Nguyễn Duy	Linh	20/11/1993	Nam	2.31	Trung bình	Kỹ thuật điện, điện tử	DCCDDK56B
18	1121060073	Lương Thị	Huyền	12/06/1992	Nữ	2.32	Trung bình	Kỹ thuật điện, điện tử	DCCDDK56B
19	1121060258	Trần Đình	Nguyễn	10/04/1993	Nam	2.39	Trung bình	Kỹ thuật điện, điện tử	DCCDDK56B

292

20	1121060272	Nguyễn Phan	Quyển	17/09/1993	Nam	2.39	Trung bình	Kỹ thuật điện, điện tử	DCCDDK56B
21	1121060174	Nguyễn Thế	Văn	11/02/1992	Nam	2.41	Trung bình	Kỹ thuật điện, điện tử	DCCDDK56B
22	1121060054	Phạm Văn	Hợp	13/04/1993	Nam	2.49	Trung bình	Kỹ thuật điện, điện tử	DCCDDK56B
23	0921060179	Nguyễn Mạnh	Huy	16/03/1987	Nam	2.12	Trung bình	Kỹ thuật điện, điện tử	DCCDDT54
24	1021060215	Đỗ Tiến	Hiệp	05/09/1992	Nam	2.21	Trung bình	Kỹ thuật điện, điện tử	DCCDDT55
25	1121060061	Phạm Nguyên	Hùng	20/06/1993	Nam	2.16	Trung bình	Kỹ thuật điện, điện tử	DCCDDT56
26	1121060085	Hoàng Văn	Lăng	18/01/1992	Nam	2.22	Trung bình	Kỹ thuật điện, điện tử	DCCDDT56
27	1121060023	Nguyễn Văn	Dũng	13/03/1993	Nam	2.29	Trung bình	Kỹ thuật điện, điện tử	DCCDDT56
28	1121060295	Nguyễn Tiến	Thuật	25/12/1992	Nam	2.35	Trung bình	Kỹ thuật điện, điện tử	DCCDDT56
29	1121060252	Hồ Cảnh	Minh	26/06/1993	Nam	2.43	Trung bình	Kỹ thuật điện, điện tử	DCCDDT56
30	1121060037	Đỗ Văn	Đoàn	18/04/1993	Nam	2.46	Trung bình	Kỹ thuật điện, điện tử	DCCDDT56
31	1121060184	Hoàng Thái	Bảo	01/09/1992	Nam	2.52	Khá	Kỹ thuật điện, điện tử	DCCDDT56
32	1121060042	Trần Kế	Hải	24/02/1993	Nam	2.54	Khá	Kỹ thuật điện, điện tử	DCCDDT56
33	1121060193	Nguyễn Xuân	Dũng	10/02/1993	Nam	2.59	Khá	Kỹ thuật điện, điện tử	DCCDDT56
34	1121060300	Trần Đình	Tiến	27/10/1993	Nam	2.60	Khá	Kỹ thuật điện, điện tử	DCCDDT56
35	1221060135	Nguyễn Đức	Thùy	19/04/1994	Nam	3.01	Khá	Kỹ thuật điện, điện tử	DCCDDT56
36	0821060139	Đặng Văn	Phát	01/11/1989	Nam	2.14	Trung bình	Kỹ thuật cơ khí	DCCDMT54
37	1021060037	Nguyễn Hữu	Đại	21/03/1991	Nam	2.11	Trung bình	Kỹ thuật cơ khí	DCCDMT55
38	1121060201	Nguyễn Tiên	Đức	23/06/1992	Nam	2.24	Trung bình	Kỹ thuật cơ khí	DCCDMT56
39	1121060146	Lại Văn	Thuận	05/08/1993	Nam	2.25	Trung bình	Kỹ thuật cơ khí	DCCDMT56
40	1121060104	Tăng Văn	Mạnh	21/09/1993	Nam	2.28	Trung bình	Kỹ thuật cơ khí	DCCDMT56
41	1121060318	Nguyễn Hữu	Văn	02/02/1991	Nam	2.35	Trung bình	Kỹ thuật cơ khí	DCCDMT56
42	1121060039	Nguyễn Đức	Độ	11/10/1993	Nam	2.41	Trung bình	Kỹ thuật cơ khí	DCCDMT56

102

43	1121060312	Trần Ngọc Tuấn	16/06/1993	Nam	2.43	Trung bình	Kỹ thuật cơ khí	DCCDMT56
44	1121060084	Cao Văn Lắm	10/10/1993	Nam	2.45	Trung bình	Kỹ thuật cơ khí	DCCDMT56
45	1121060010	Nguyễn Công Bằng	23/05/1992	Nam	2.60	Khá	Kỹ thuật cơ khí	DCCDMT56
46	1121060280	Phạm Thành Thái	15/12/1993	Nam	2.68	Khá	Kỹ thuật cơ khí	DCCDMT56
47	0921060135	Bùi Đức Tiếp	23/02/1991	Nam	2.03	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	DCCDTD54
48	0921060042	Lê Hồng Quân	01/10/1990	Nam	2.16	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	DCCDTD54
49	1021060137	Trần Văn Tới	08/10/1992	Nam	2.00	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	DCCDTD55
50	1021060256	Nguyễn Văn Bình	09/01/1991	Nam	2.31	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	DCCDTD55
51	1121060017	Nguyễn Văn Công	27/07/1993	Nam	2.05	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	DCCDTD56A
52	1121060197	Lê Văn Điền	21/03/1993	Nam	2.07	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	DCCDTD56A
53	1121060221	Lưu Đình Hùng	25/12/1993	Nam	2.18	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	DCCDTD56A
54	1121060160	Phạm Văn Trường	22/06/1993	Nam	2.20	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	DCCDTD56A
55	1121060079	Nguyễn Tiến Kha	28/03/1993	Nam	2.53	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	DCCDTD56A
56	1121060203	Vũ Đình Giang	11/08/1992	Nam	2.01	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	DCCDTD56B
57	1121060120	Nguyễn Xuân Quỳnh	25/01/1993	Nam	2.12	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	DCCDTD56B
58	1121041032	Đỗ Trọng Sang	02/03/1993	Nam	2.17	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	DCCDTD56B
59	1121060101	Lê Ngọc Mạnh	10/01/1993	Nam	2.18	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	DCCDTD56B
60	1121060013	Đoàn Văn Chi	17/03/1993	Nam	2.39	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	DCCDTD56B
61	1121060296	Trần Văn Thung	22/09/1993	Nam	2.40	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	DCCDTD56B
62	1121060288	Đỗ Thế Thắng	02/06/1993	Nam	2.43	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	DCCDTD56B
63	1121060135	Võ Đại Thái	04/09/1993	Nam	2.47	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	DCCDTD56B
64	1121060292	Nguyễn Văn Thi	21/09/1993	Nam	2.49	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	DCCDTD56B
65	1121060130	Nguyễn Mạnh Sỹ	25/05/1992	Nam	2.50	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	DCCDTD56B

10/2

66	1121060092	Nguyễn Đình	Long	23/10/1991	Nam	2.53	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	DCCD TD56B
67	1121060324	Nguyễn Tuấn	Anh	02/10/1993	Nam	2.57	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	DCCD TD56B
68	1121060320	Nguyễn Thị	Viên	05/08/1993	Nữ	2.79	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	DCCD TD56B
69	1121011037	Nguyễn Ngọc	Linh	20/10/1993	Nam	2.20	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	DCCD TD56VT
70	1121011002	Nguyễn Việt	Anh	01/07/1993	Nam	2.30	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	DCCD TD56VT
71	1121011047	Lương Thị	Pha	19/01/1993	Nữ	2.33	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	DCCD TD56VT
72	1121011075	Tạ Thanh	Tùng	03/01/1993	Nam	2.45	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	DCCD TD56VT
73	1121011071	Lê Anh	Tuấn	31/07/1993	Nam	2.48	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	DCCD TD56VT
74	1121011084	Nguyễn Mạnh	Dũng	20/11/1991	Nam	2.50	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	DCCD TD56VT
75	1121011103	Nguyễn Anh	Tuấn	03/03/1993	Nam	2.51	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	DCCD TD56VT
76	1121011033	Nguyễn Xuân	Khiêm	10/03/1993	Nam	2.54	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	DCCD TD56VT
77	1121011004	Vũ Ngọc	Anh	19/09/1991	Nam	2.75	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	DCCD TD56VT
78	0921050014	Nguyễn Việt	Đức	17/08/1991	Nam	2.24	Trung bình	Công nghệ thông tin	DCCTMM54
79	0921050177	Đào Văn	Đức	15/03/1988	Nam	2.07	Trung bình	Công nghệ thông tin	DCCTPM54
80	1021050083	Nguyễn Hữu	Sao	01/01/1990	Nam	2.63	Khá	Công nghệ thông tin	DCCTMM55
81	1021050045	Nguyễn Văn	Huỳnh	12/06/1991	Nam	2.02	Trung bình	Công nghệ thông tin	DCCTMO55
82	1021050282	Vương Huy	Kiên	07/02/1991	Nam	2.11	Trung bình	Công nghệ thông tin	DCCTPM55
83	1021050315	Trần Vũ	Quyền	10/12/1992	Nam	2.08	Trung bình	Công nghệ thông tin	DCCTPM55
84	1021050026	Nguyễn Văn	Điệp	15/04/1992	Nam	2.90	Khá	Công nghệ thông tin	DCCTTD55
85	1021050114	Lê Thành	Trung	20/07/1992	Nam	3.61	Giỏi	Công nghệ thông tin	DCCTTD55
86	1121050143	Nguyễn Đức	Anh	15/12/1993	Nam	2.50	Khá	Công nghệ thông tin	DCCTDC56
87	1121050043	Phạm Trung	Hiệu	21/10/1993	Nam	2.21	Trung bình	Công nghệ thông tin	DCCTDC56
88	1121050053	Lê Đình	Kiên	02/11/1993	Nam	2.15	Trung bình	Công nghệ thông tin	DCCTDC56

Handwritten signature

89	1121050054	Nguyễn Văn	Kỳ	15/01/1993	Nam	2.24	Trung bình	Công nghệ thông tin	DCCTDC56
90	1121050248	Phi Thành ✓	Long	11/01/1993	Nam	2.48	Trung bình	Công nghệ thông tin	DCCTDC56
91	1121050275	Lê Bá	Nhân	26/07/1993	Nam	2.29	Trung bình	Công nghệ thông tin	DCCTDC56
92	1121050321	Đặng Chung	Tinh	25/09/1993	Nam	2.30	Trung bình	Công nghệ thông tin	DCCTDC56
93	1121050129	Trần Thanh	Tùng	24/05/1993	Nam	2.07	Trung bình	Công nghệ thông tin	DCCTDC56
94	1121050026	Nguyễn Danh	Đạt	24/08/1993	Nam	2.11	Trung bình	Công nghệ thông tin	DCCTKT56
95	1121050194	Đào Thị	Hạnh	01/01/1992	Nữ	2.50	Khá	Công nghệ thông tin	DCCTKT56
96	1121050223	Trần Quang	Huy	23/10/1993	Nam	2.64	Khá	Công nghệ thông tin	DCCTKT56
97	1121050240	Đỗ Ngọc	Linh	26/10/1993	Nam	2.12	Trung bình	Công nghệ thông tin	DCCTKT56
98	1121050059	Phạm Thị	Loan	24/11/1993	Nữ	2.61	Khá	Công nghệ thông tin	DCCTKT56
99	1121050249	Bùi Quang	Lợi	11/06/1993	Nam	2.47	Trung bình	Công nghệ thông tin	DCCTKT56
100	1121050081	Nguyễn Trọng	Quý	15/04/1993	Nam	2.55	Khá	Công nghệ thông tin	DCCTKT56
101	1121050290	Phạm Văn	Quyền	19/04/1991	Nam	2.67	Khá	Công nghệ thông tin	DCCTKT56
102	1121050151	Vũ Thị	ánh	10/02/1991	Nữ	2.60	Khá	Công nghệ thông tin	DCCTMM56
103	1121050027	Nguyễn Văn	Đoàn	20/10/1993	Nam	3.18	Khá	Công nghệ thông tin	DCCTMM56
104	1121050192	Lữ Đăng	Hải	03/10/1993	Nam	2.63	Khá	Công nghệ thông tin	DCCTMM56
105	1121050197	Lưu Thị Quý	Hằng	16/06/1992	Nữ	2.91	Khá	Công nghệ thông tin	DCCTMM56
106	1121050037	Đặng Thị	Hạnh	02/04/1992	Nữ	2.96	Khá	Công nghệ thông tin	DCCTMM56
107	1121050204	Nguyễn Thị	Hoa	24/07/1993	Nữ	2.85	Khá	Công nghệ thông tin	DCCTMM56
108	1121050067	Lưu Văn	Nam	25/09/1991	Nam	2.61	Khá	Công nghệ thông tin	DCCTMM56
109	1121050073	Nguyễn Thế	Phong	05/01/1993	Nam	2.62	Khá	Công nghệ thông tin	DCCTMM56
110	1121050102	Phùng Văn	Thuyền	20/06/1993	Nam	2.28	Trung bình	Công nghệ thông tin	DCCTMM56
111	1121050311	Hoàng Minh	Thuyết	08/10/1993	Nam	2.54	Khá	Công nghệ thông tin	DCCTMM56

182

112	1121050110	Bùi Đức	Toàn	08/06/1993	Nam	2.41	Trung bình	Công nghệ thông tin	DCCTMM56
113	1121050012	Nguyễn Văn	Cường	27/05/1993	Nam	2.64	Khá	Công nghệ thông tin	DCCTMO56
114	1121050210	Đoàn Minh	Hoàng	20/08/1993	Nam	2.22	Trung bình	Công nghệ thông tin	DCCTMO56
115	1121050062	Nguyễn Văn	Luân	27/12/1993	Nam	2.07	Trung bình	Công nghệ thông tin	DCCTMO56
116	1121050260	Lê Thị Quỳnh	Nga	20/06/1993	Nữ	2.56	Khá	Công nghệ thông tin	DCCTMO56
117	1121050080	Đặng Thạch	Quý	16/06/1993	Nam	2.73	Khá	Công nghệ thông tin	DCCTMO56
118	1121050094	Trịnh Minh	Thao	19/07/1992	Nam	2.21	Trung bình	Công nghệ thông tin	DCCTMO56
119	1121050107	Triệu Văn	Tiến	07/08/1993	Nam	2.13	Trung bình	Công nghệ thông tin	DCCTMO56
120	1121050336	Vũ Duy	Tùng	10/09/1993	Nam	2.69	Khá	Công nghệ thông tin	DCCTMO56
121	1121050159	Trần Văn	Chiến	22/02/1993	Nam	2.32	Trung bình	Công nghệ thông tin	DCCTPM56
122	1121050018	Vũ Khương	Duy	16/09/1993	Nam	2.08	Trung bình	Công nghệ thông tin	DCCTPM56
123	1121050229	Nguyễn Thị Diệu	Hương	14/05/1993	Nữ	3.14	Khá	Công nghệ thông tin	DCCTPM56
124	1121050064	Cao Văn	Minh	24/11/1992	Nam	2.44	Trung bình	Công nghệ thông tin	DCCTPM56
125	1121050285	Lê Sỹ	Quang	24/02/1993	Nam	2.11	Trung bình	Công nghệ thông tin	DCCTPM56
126	1121050118	Tạ Bá	Trường	09/08/1993	Nam	2.24	Trung bình	Công nghệ thông tin	DCCTPM56
127	1121050124	Đặng Tuấn	Tùng	15/09/1993	Nam	2.32	Trung bình	Công nghệ thông tin	DCCTPM56
128	1121050126	Nguyễn Thanh	Tùng	16/07/1993	Nam	2.57	Khá	Công nghệ thông tin	DCCTPM56
129	1121050130	Nguyễn Thị	Tuyến	11/05/1993	Nữ	2.93	Khá	Công nghệ thông tin	DCCTPM56
130	1121050134	Phạm Quốc	Việt	12/07/1993	Nam	2.50	Khá	Công nghệ thông tin	DCCTPM56
131	1121050348	Phạm Tuấn	Anh	08/02/1993	Nam	2.04	Trung bình	Công nghệ thông tin	DCCTTD56
132	1121050184	Nguyễn Doãn Bảo	Giang	09/09/1993	Nam	2.55	Khá	Công nghệ thông tin	DCCTTD56
133	1121050200	Vũ Trọng	Hân	01/11/1993	Nam	2.51	Khá	Công nghệ thông tin	DCCTTD56
134	1121050270	Nguyễn Văn	Ngọc	19/03/1993	Nam	2.63	Khá	Công nghệ thông tin	DCCTTD56

1182

135	1121050085	Phạm Ngọc	Son	28/09/1993	Nam	2.65	Khá	Công nghệ thông tin	DCCTTD56
136	0921020127	Nguyễn Văn	Thọ	09/08/1991	Nam	2.00	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCCT54A
137	0921020137	Vương Văn	Toàn	12/02/1991	Nam	2.09	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCCT54B
138	1021020266	Đỗ Quốc	Chinh	23/04/1989	Nam	2.09	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCDC_54A
139	1021020472	Nguyễn Hữu	Bình	29/03/1990	Nam	2.46	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDKDC54
140	1021020180	Cao Xuân	Toàn	10/8/1992	Nam	2.32	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCCT55A
141	1021020271	Bùi Quang	Nghiêm	28/06/1992	Nam	2.38	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCCT55B
142	1121020285	Trần Duy	Toàn	15/10/1992	Nam	2.53	Khá	Kỹ thuật địa chất	DCDCCT55B
143	1121020241	Nguyễn Xuân	Trường	24/02/1992	Nam	2.22	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCCT55B
144	1121020030	Trần Quốc	Dũng	23/10/1992	Nam	2.56	Khá	Kỹ thuật địa chất	DCDCDC_55A
145	1121020272	Nguyễn Việt	Huân	14/10/1991	Nam	2.21	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCDC_55A
146	1121020235	Đinh Văn	Nam	01/11/1991	Nam	2.51	Khá	Kỹ thuật địa chất	DCDCNK55
147	1121020355	Nguyễn Xuân	Tiến	30/06/1991	Nam	2.43	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCNK55
148	1121020274	Đinh Văn Tuấn	Anh	10/04/1991	Nam	2.58	Khá	Kỹ thuật địa chất	DCDCTV55
149	1121020311	Đào Tuấn	Anh	27/08/1993	Nam	2.50	Khá	Kỹ thuật địa chất	DCDCCT56A
150	1121020306	Phạm Văn	Bộ	13/02/1993	Nam	2.25	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCCT56A
151	1121020052	Nguyễn Văn	Đức	07/07/1993	Nam	2.62	Khá	Kỹ thuật địa chất	DCDCCT56A
152	1121020291	Nguyễn Thành	Dũng	03/05/1993	Nam	2.36	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCCT56A
153	1121020112	Đặng Văn	Giáp	10/07/1993	Nam	2.42	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCCT56A
154	1121020332	Lê Thanh	Hải	19/10/1986	Nam	2.53	Khá	Kỹ thuật địa chất	DCDCCT56A
155	1121020081	Mai Thị	Hạnh	24/10/1993	Nữ	2.99	Khá	Kỹ thuật địa chất	DCDCCT56A
156	1121020276	Dương Đức	Hoàng	13/10/1993	Nam	2.13	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCCT56A
157	1121020410	Lê Văn	Hòa	13/06/1993	Nam	2.64	Khá	Kỹ thuật địa chất	DCDCCT56A

Handwritten signature

158	1121020090	Vũ Ngọc	Hùng	26/10/1993	Nam	2.62	Khá	Kỹ thuật địa chất	DCDCCT56A
159	1121020372	Mai Đức	Lợi	26/03/1993	Nam	2.63	Khá	Kỹ thuật địa chất	DCDCCT56A
160	1121020381	Hoàng Thọ	Long	15/04/1993	Nam	2.57	Khá	Kỹ thuật địa chất	DCDCCT56A
161	1121020062	Phạm Văn	Mạnh	15/01/1992	Nam	2.56	Khá	Kỹ thuật địa chất	DCDCCT56A
162	1121020079	Nguyễn Việt	Phương	04/12/1993	Nam	2.63	Khá	Kỹ thuật địa chất	DCDCCT56A
163	1121020011	Phạm Chí	Thanh	04/11/1993	Nam	2.52	Khá	Kỹ thuật địa chất	DCDCCT56A
164	1121020045	Vũ Văn	Bình	04/11/1993	Nam	2.53	Khá	Kỹ thuật địa chất	DCDCCT56B
165	1121020116	Lương Đức	Đầu	24/08/1993	Nam	2.58	Khá	Kỹ thuật địa chất	DCDCCT56B
166	0821020010	Phạm Văn	Hải	12/12/1992	Nam	2.51	Khá	Kỹ thuật địa chất	DCDCCT56B
167	1021020509	Phạm Văn	Hoàng	28/07/1993	Nam	2.53	Khá	Kỹ thuật địa chất	DCDCCT56B
168	1021020053	Vũ Văn	Huỳnh	26/10/1993	Nam	2.18	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCCT56B
169	1121020376	Nguyễn Thị	Lý	16/02/1993	Nữ	2.78	Khá	Kỹ thuật địa chất	DCDCCT56B
170	1121020343	Phạm Văn	Thái	20/08/1993	Nam	2.07	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCCT56B
171	1121020196	Nguyễn Ngọc	Tiến	23/03/1992	Nam	2.34	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCCT56B
172	1121020092	Trần Văn	Trung	02/01/1992	Nam	2.41	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCCT56B
173	1121020385	Nguyễn Huy	Dương	17/03/1993	Nam	2.59	Khá	Kỹ thuật địa chất	DCDCDC_56A
174	1121020070	Đặng Văn	Hà	04/06/1992	Nam	2.66	Khá	Kỹ thuật địa chất	DCDCDC_56A
175	1121020153	Vũ Nghĩa	Hiệp	05/08/1993	Nam	2.43	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCDC_56A
176	1121020035	Lê Văn	Hưng	28/10/1993	Nam	2.36	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCDC_56A
177	1121020363	Trần Văn	Quân	19/03/1990	Nam	2.71	Khá	Kỹ thuật địa chất	DCDCDC_56A
178	1121020055	Lưu Đình	Quảng	08/07/1993	Nam	2.57	Khá	Kỹ thuật địa chất	DCDCDC_56A
179	1121020168	Nguyễn Văn	Son	02/01/1993	Nam	2.29	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCDC_56A
180	1121020334	Lê Ngọc	Son	01/01/1993	Nam	2.66	Khá	Kỹ thuật địa chất	DCDCDC_56A

182

181	1121020089	Phạm Văn	Tiến	08/05/1992	Nam	2.61	Khá	Kỹ thuật địa chất	DCDCDC_56A
182	1121020034	Đinh Văn	Tiến	07/01/1993	Nam	2.30	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCDC_56A
183	1121020215	Lê Văn	Tỉnh	05/04/1993	Nam	2.28	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCDC_56A
184	1121020095	Trần Văn	Trường	16/02/1993	Nam	2.38	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCDC_56A
185	1121020044	Nguyễn Thành	Công	11/10/1993	Nam	2.36	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCDC_56B
186	1121020040	Nguyễn Văn	Đại	16/06/1992	Nam	2.41	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCDC_56B
187	1121020128	Vũ Hải	Đảng	22/07/1993	Nam	2.26	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCDC_56B
188	1121020015	Giang Thành	Đạt	29/07/1993	Nam	2.28	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCDC_56B
189	1121020288	Phạm Quang	Diệp	29/06/1993	Nam	2.64	Khá	Kỹ thuật địa chất	DCDCDC_56B
190	1121020259	Đoàn Ngọc	Dương	17/12/1993	Nam	2.16	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCDC_56B
191	1121020036	Lê Văn	Dương	16/05/1993	Nam	2.41	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCDC_56B
192	1121020131	Đoàn Ngọc	Hùng	27/09/1993	Nam	2.37	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCDC_56B
193	1121020384	Nguyễn Văn	Hương	22/06/1993	Nam	2.23	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCDC_56B
194	1121020188	Nguyễn Tuấn	Huy	06/07/1992	Nam	2.11	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCDC_56B
195	1121020228	Dương Văn	Minh	18/10/1993	Nam	3.39	Giỏi	Kỹ thuật địa chất	DCDCDC_56B
196	1121020047	Kiều Việt	Nam	03/01/1993	Nam	2.35	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCDC_56B
197	1121020370	Phạm Văn	Nam	28/09/1993	Nam	2.48	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCDC_56B
198	1121020150	Áu Thị	Quang	10/11/1993	Nữ	3.01	Khá	Kỹ thuật địa chất	DCDCDC_56B
199	1121020123	Nguyễn Văn	Thắng	05/05/1993	Nam	2.57	Khá	Kỹ thuật địa chất	DCDCDC_56B
200	1021020260	Đinh Thị	Thương	22/04/1993	Nữ	2.80	Khá	Kỹ thuật địa chất	DCDCDC_56B
201	1021020171	Nguyễn Khắc	Trường	12/12/1992	Nam	2.48	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCDC_56B
202	1121020098	Lê Văn	Tuấn	08/04/1993	Nam	2.17	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCDC_56B
203	1121020166	Chu Thị	Yến	19/05/1993	Nữ	2.61	Khá	Kỹ thuật địa chất	DCDCDC_56B

Handwritten signature

204	1121020328	Vũ Quốc	Công	15/03/1993	Nam	2.65	Khá	Kỹ thuật địa chất	DCDCNK56
205	1121020050	Hoàng Minh	Đức	12/09/1993	Nam	2.28	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCNK56
206	1121020257	Nguyễn Quang	Duy	23/06/1991	Nam	2.30	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCNK56
207	1121020173	Lê Khắc	Hạnh	01/03/1993	Nam	2.61	Khá	Kỹ thuật địa chất	DCDCNK56
208	1121020208	Nguyễn Văn	Hiến	09/03/1993	Nam	2.68	Khá	Kỹ thuật địa chất	DCDCNK56
209	1121020085	Nguyễn Văn	Hùng	15/10/1993	Nam	2.54	Khá	Kỹ thuật địa chất	DCDCNK56
210	1121020063	Nguyễn Văn	Khương	10/12/1993	Nam	2.19	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCNK56
211	1121020019	Bùi Văn	Nghĩa	08/04/1993	Nam	2.71	Khá	Kỹ thuật địa chất	DCDCNK56
212	1121020069	Ngô Xuân	Phóng	20/11/1993	Nam	2.23	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCNK56
213	1121020136	Hà Tuấn	Sơn	23/07/1993	Nam	2.22	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCNK56
214	1021020422	Vũ Xuân	Sử	05/11/1993	Nam	2.43	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCNK56
215	1121020281	Phùng Như	Trường	29/11/1990	Nam	2.53	Khá	Kỹ thuật địa chất	DCDCNK56
216	1121020017	Trần Mạnh	Biên	06/11/1993	Nam	2.31	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCTV56A
217	1121020314	Nguyễn Văn	Công	10/11/1993	Nam	2.08	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCTV56A
218	1121020197	Phạm Tiến	Cường	07/02/1993	Nam	2.53	Khá	Kỹ thuật địa chất	DCDCTV56A
219	1121020344	Nguyễn Thắng	Đạt	10/11/1993	Nam	2.32	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCTV56A
220	1121020151	Phạm Đức	Hiệp	16/02/1992	Nam	2.05	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCTV56A
221	1121020239	Nguyễn Văn	Lâm	18/06/1993	Nam	2.33	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCTV56A
222	1121020262	Lê Sĩ	Minh	12/11/1993	Nam	2.12	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCTV56A
223	1121020102	Bùi Trung	Quang	23/03/1993	Nam	2.29	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCTV56A
224	1121020023	Nguyễn Văn	Sỹ	06/04/1990	Nam	2.25	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCTV56A
225	1121020360	Trần Minh	Thắng	01/07/1992	Nam	2.68	Khá	Kỹ thuật địa chất	DCDCTV56A
226	1121020186	Lê Văn	Tiến	20/02/1992	Nam	2.23	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCTV56A

1182

227	1121020010	Võ Văn	Ban	20/03/1992	Nam	2.15	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCTV56B
228	1121020016	Phạm Đăng	Bình	30/05/1993	Nam	2.06	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCTV56B
229	1121020338	Vũ Đức	Chính	05/03/1993	Nam	2.15	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCTV56B
230	1121020060	Nguyễn Tiến	Công	12/01/1993	Nam	2.08	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCTV56B
231	1121020404	Nguyễn Hữu	Điệp	04/06/1993	Nam	2.24	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCTV56B
232	1121020373	Trịnh Tiến	Dũng	01/10/1993	Nam	2.17	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCTV56B
233	1121020340	Đỗ Ngọc	Hải	20/02/1993	Nam	2.12	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCTV56B
234	1121020244	Mai Đình	Kiên	17/07/1993	Nam	2.65	Khá	Kỹ thuật địa chất	DCDCTV56B
235	1121020007	Nguyễn Văn	Ngọc	28/11/1993	Nam	2.59	Khá	Kỹ thuật địa chất	DCDCTV56B
236	1121020254	Nguyễn Văn	Quyết	06/03/1992	Nam	2.09	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCTV56B
237	1121020046	Nguyễn Quang	Sang	29/03/1993	Nam	2.13	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCTV56B
238	1121020223	Nguyễn Mạnh	Thắng	30/11/1993	Nam	2.02	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCTV56B
239	1121020222	Nguyễn Tuấn	Tiến	03/05/1992	Nam	2.13	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCTV56B
240	1121020139	Nông Gia	Tự	10/09/1992	Nam	2.33	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCTV56B
241	1121020100	Phạm Bá	Tuyn	22/06/1993	Nam	2.45	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCTV56B
242	0921060161	Phạm Văn	Vương	19/09/1993	Nam	2.12	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDCTV56B
243	1021020076	Trương Anh	Đức	09/01/1992	Nam	2.21	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDKDC56
244	1121020162	Nguyễn Trung	Đức	23/09/1993	Nam	2.45	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDKDC56
245	1121040298	Nguyễn Hữu	Đức	26/08/1993	Nam	2.54	Khá	Kỹ thuật địa chất	DCDKDC56
246	1121010359	Bùi Văn	Dũng	06/09/1993	Nam	2.62	Khá	Kỹ thuật địa chất	DCDKDC56
247	1121010092	Hà Thế	Hiền	13/05/1993	Nam	3.03	Khá	Kỹ thuật địa chất	DCDKDC56
248	1121010090	Nguyễn Duy	Hưng	02/11/1993	Nam	3.42	Giỏi	Kỹ thuật địa chất	DCDKDC56
249	1121010400	Nguyễn Xuân	Khánh	26/04/1993	Nam	2.60	Khá	Kỹ thuật địa chất	DCDKDC56

10/2

250	1121010216	Nguyễn Văn	Kiên	16/08/1993	Nam	2.66	Khá	Kỹ thuật địa chất	DCDKDC56
251	1121020096	Vũ Thành	Luân	06/01/1993	Nam	2.56	Khá	Kỹ thuật địa chất	DCDKDC56
252	1121010254	Lại Xuân	Phúc	11/08/1993	Nam	2.60	Khá	Kỹ thuật địa chất	DCDKDC56
253	1121010051	Nguyễn Đăng	Quyền	22/12/1993	Nam	2.27	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDKDC56
254	1121010193	Nguyễn Trọng	Son	25/05/1993	Nam	2.72	Khá	Kỹ thuật địa chất	DCDKDC56
255	1121010281	Phạm Thị	Thương	13/03/1993	Nữ	2.88	Khá	Kỹ thuật địa chất	DCDKDC56
256	1121010339	Cần Thị	Tình	23/02/1993	Nữ	2.97	Khá	Kỹ thuật địa chất	DCDKDC56
257	1121010350	Nguyễn Đình	Toán	27/09/1993	Nam	2.41	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDKDC56
258	1121010127	Nguyễn Khắc	Toàn	27/04/1992	Nam	3.06	Khá	Kỹ thuật địa chất	DCDKDC56
259	1121010352	Đỗ Thị	Trang	11/11/1993	Nữ	3.32	Giỏi	Kỹ thuật địa chất	DCDKDC56
260	1121010364	Hoàng Công	Tuấn	26/10/1993	Nam	2.32	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	DCDKDC56
261	1121010174	Vũ Hoàng	Việt	14/02/1993	Nam	2.54	Khá	Kỹ thuật địa chất	DCDKDC56
262	1021010111	Hồng Trường	Giang	12/08/1992	Nam	2.54	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	DCDKDV55
263	1021010288	Nghiêm Đình	Quyết	25/10/1992	Nam	2.48	Trung bình	Kỹ thuật Địa vật lý	DCDKDV55
264	1121050148	Nguyễn Tuấn	Anh	19/08/1993	Nam	2.61	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	DCDKDV56
265	1121010026	Nguyễn Thanh	Bình	07/01/1993	Nam	2.89	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	DCDKDV56
266	1121010040	Nguyễn Hữu	Chường	04/12/1993	Nam	2.72	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	DCDKDV56
267	1121010082	Trần Thành	Đạt	18/12/1993	Nam	3.00	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	DCDKDV56
268	1121010078	Nguyễn Mạnh	Đạt	03/02/1993	Nam	3.22	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	DCDKDV56
269	1121010061	Mai Văn	Duy	13/08/1993	Nam	2.71	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	DCDKDV56
270	1121010109	Hoàng Thị	Hà	13/06/1993	Nữ	3.29	Giỏi	Kỹ thuật Địa vật lý	DCDKDV56
271	1121050189	Chu Văn	Hải	23/02/1993	Nam	2.58	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	DCDKDV56
272	1121010151	Trần Đức	Huân	20/06/1993	Nam	2.81	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	DCDKDV56

Handwritten signature

273	1121010186	Vũ Huy	Khánh	03/06/1993	Nam	2.14	Trung bình	Kỹ thuật Địa vật lý	DCDKDV56
274	1121010190	Trần Văn	Kiểm	03/08/1992	Nam	3.28	Giỏi	Kỹ thuật Địa vật lý	DCDKDV56
275	1121010211	Vũ Hoàng	Long	09/07/1993	Nam	2.61	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	DCDKDV56
276	1121010222	Ngô Sỹ	Mạnh	20/05/1993	Nam	2.56	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	DCDKDV56
277	1121010240	Nguyễn Đình	Ngọc	20/02/1993	Nam	2.94	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	DCDKDV56
278	1121010257	Hoàng Văn	Phượng	17/12/1993	Nam	2.72	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	DCDKDV56
279	1121050288	Nguyễn Thị	Quế	30/06/1993	Nữ	2.80	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	DCDKDV56
280	1121010264	Phạm Trung	Quý	26/10/1993	Nam	2.95	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	DCDKDV56
281	1124010451	Nguyễn Mạnh	Tấn	20/11/1993	Nam	2.21	Trung bình	Kỹ thuật Địa vật lý	DCDKDV56
282	1121020180	Nguyễn Thị	Thanh	02/09/1993	Nữ	2.89	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	DCDKDV56
283	1121010363	Doãn Thị	Trang	06/01/1993	Nữ	2.99	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	DCDKDV56
284	0921010027	Trần Văn	Duy	22/11/1991	Nam	2.69	Khá	Kỹ thuật dầu khí	DCDKKK54
285	0821061021	Nguyễn Văn	Khương	02/08/1990	Nam	2.25	Trung bình	Kỹ thuật dầu khí	DCDKKK54VT
286	1021010278	Nguyễn Vũ	Quang	10/5/1992	Nam	2.83	Khá	Kỹ thuật dầu khí	DCDKKK55
287	1021010327	Nguyễn Toàn	Thắng	28/06/1992	Nam	2.25	Trung bình	Kỹ thuật dầu khí	DCDKKK55
288	1121010102	Nguyễn Hoàng	Giang	07/11/1991	Nam	2.70	Khá	Kỹ thuật dầu khí	DCDKKK56A
289	1121010162	Nguyễn Xuân	Hùng	07/07/1993	Nam	2.68	Khá	Kỹ thuật dầu khí	DCDKKK56A
290	1121010183	Hòa Quang	Khải	25/05/1993	Nam	2.61	Khá	Kỹ thuật dầu khí	DCDKKK56A
291	1121010226	Vũ Văn	Mạnh	29/12/1993	Nam	2.59	Khá	Kỹ thuật dầu khí	DCDKKK56A
292	1121030133	Nguyễn Tiến	Quang	08/06/1993	Nam	2.62	Khá	Kỹ thuật dầu khí	DCDKKK56A
293	1121040409	Hà Tuấn	Tài	24/08/1991	Nam	2.66	Khá	Kỹ thuật dầu khí	DCDKKK56A
294	1121010310	Đặng Văn	Thắng	14/04/1993	Nam	2.78	Khá	Kỹ thuật dầu khí	DCDKKK56A
295	1121020049	Đỗ Gia	Đức	29/08/1993	Nam	2.53	Khá	Kỹ thuật dầu khí	DCDKKK56B

182

296	1121010088	Đào Văn	Đức	10/04/1993	Nam	2.61	Khá	Kỹ thuật dầu khí	DCDKKK56B
297	1121010054	Nguyễn Anh	Dũng	11/01/1993	Nam	2.26	Trung bình	Kỹ thuật dầu khí	DCDKKK56B
298	1121010167	Nguyễn Đình	Huy	18/05/1993	Nam	2.56	Khá	Kỹ thuật dầu khí	DCDKKK56B
299	1121010187	Vũ Văn	Khánh	06/05/1993	Nam	2.48	Trung bình	Kỹ thuật dầu khí	DCDKKK56B
300	1121030335	Nguyễn Đình Phan	Long	27/10/1992	Nam	2.53	Khá	Kỹ thuật dầu khí	DCDKKK56B
301	1121010225	Vũ Tài	Mạnh	08/08/1993	Nam	2.78	Khá	Kỹ thuật dầu khí	DCDKKK56B
302	1121020130	Phạm Văn	Nam	08/03/1993	Nam	2.87	Khá	Kỹ thuật dầu khí	DCDKKK56B
303	1121010255	Đặng Tiến	Phương	04/03/1993	Nam	2.78	Khá	Kỹ thuật dầu khí	DCDKKK56B
304	1121010269	Nguyễn Trung	Sang	11/05/1993	Nam	2.55	Khá	Kỹ thuật dầu khí	DCDKKK56B
305	1121010317	Trần Ngọc	Thắng	22/03/1992	Nam	2.53	Khá	Kỹ thuật dầu khí	DCDKKK56B
306	1121010334	Cao Văn	Thuyền	14/10/1993	Nam	2.57	Khá	Kỹ thuật dầu khí	DCDKKK56B
307	1121010013	Nguyễn Tiến Việt	Anh	09/10/1993	Nam	2.34	Trung bình	Kỹ thuật dầu khí	DCDKKT56
308	1121010007	Lương Tuấn	Anh	27/09/1991	Nam	3.17	Khá	Kỹ thuật dầu khí	DCDKKT56
309	1121010021	Đặng Xuân	Bách	17/07/1993	Nam	2.12	Trung bình	Kỹ thuật dầu khí	DCDKKT56
310	1121010023	Hoàng Quốc	Bảo	13/08/1993	Nam	2.51	Khá	Kỹ thuật dầu khí	DCDKKT56
311	1121010099	Mai Thế	Dương	02/02/1993	Nam	2.80	Khá	Kỹ thuật dầu khí	DCDKKT56
312	1121010063	Trần Huy	Duy	24/08/1992	Nam	2.33	Trung bình	Kỹ thuật dầu khí	DCDKKT56
313	1121010221	Lê Đình	Mạnh	24/11/1993	Nam	2.57	Khá	Kỹ thuật dầu khí	DCDKKT56
314	1121010286	Đào Xuân	Tâm	01/02/1993	Nam	3.00	Khá	Kỹ thuật dầu khí	DCDKKT56
315	1121010320	Trần Ngọc	Thi	16/01/1993	Nam	2.49	Trung bình	Kỹ thuật dầu khí	DCDKKT56
316	1221010285	Phạm Hồng	Quân	05/01/1994	Nam	3.00	Khá	Kỹ thuật dầu khí	DCDKKK57A
317	0821020090	Lê Công	Thành	26/07/1990	Nam	2.41	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	DCDKLD54
318	0964040027	Phạm Trọng	Hưng	20/06/1991	Nam	2.10	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	DCDKLD54ATH

182

319	0964040055	Lê Văn Thọ	30/10/1991	Nam	2.26	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	DCDKLD54ATH
320	0964040135	Khương Duy Tùng	31/08/1991	Nam	2.12	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	DCDKLD54BTH
321	1064040003	Hoàng Văn Công		Nam	2.08	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	DCDKLD55TH
322	1064040006	Mai Tiến Dũng	27/08/1992	Nam	2.09	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	DCDKLD55TH
323	1064040014	Lê Trường Giang	04/07/1992	Nam	2.53	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	DCDKLD55TH
324	1064040015	Kiều Văn Hải	15/02/1991	Nam	2.50	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	DCDKLD55TH
325	1064040017	Nguyễn Thị Hiền	12/02/1992	Nữ	3.02	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	DCDKLD55TH
326	1064040026	Ngô Thọ Minh	06/04/1992	Nam	2.30	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	DCDKLD55TH
327	1064040027	Nguyễn Văn Mong	23/08/1991	Nam	2.28	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	DCDKLD55TH
328	1064040036	Lê Tạ Tài	07/07/1992	Nam	2.19	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	DCDKLD55TH
329	1064040045	Trịnh Xuân Tiến	20/04/1987	Nam	2.06	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	DCDKLD55TH
330	1121010126	Võ Văn Hậu	21/09/1993	Nam	2.56	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	DCDKLD56A
331	1121010218	Vũ Văn Lực	10/07/1993	Nam	2.28	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	DCDKLD56A
332	1021010094	Nguyễn Văn Đạt	01/06/1992	Nam	2.81	Khá	Kỹ thuật dầu khí	DCDKTB55
333	1121010015	Phạm Quốc Anh	14/05/1993	Nam	2.32	Trung bình	Kỹ thuật dầu khí	DCDKTB56
334	1121010084	Bùi Đăng Định	31/07/1993	Nam	2.45	Trung bình	Kỹ thuật dầu khí	DCDKTB56
335	1121010116	Phan Lê Hải	14/12/1993	Nam	2.29	Trung bình	Kỹ thuật dầu khí	DCDKTB56
336	1121010134	Ngô Mỹ Hiếu	23/06/1992	Nam	2.50	Khá	Kỹ thuật dầu khí	DCDKTB56
337	1121010168	Nguyễn Quang Huy	26/10/1993	Nam	2.72	Khá	Kỹ thuật dầu khí	DCDKTB56
338	1121010262	Vũ Văn Quân	05/06/1993	Nam	2.73	Khá	Kỹ thuật dầu khí	DCDKTB56
339	1121010316	Nguyễn Quang Thắng	23/11/1993	Nam	2.80	Khá	Kỹ thuật dầu khí	DCDKTB56
340	1121060140	Phạm Văn Thành	24/03/1992	Nam	2.34	Trung bình	Kỹ thuật dầu khí	DCDKTB56
341	1121010307	Phạm Văn Thành	29/03/1993	Nam	2.50	Khá	Kỹ thuật dầu khí	DCDKTB56

1182

342	1121010304	Lê Quý	Thành	21/01/1993	Nam	2.72	Khá	Kỹ thuật dầu khí	DCDKTB56
343	1121010421	Lê Đình	Thọ	13/09/1993	Nam	2.51	Khá	Kỹ thuật dầu khí	DCDKTB56
344	1121010330	Nguyễn Văn	Thuận	23/02/1993	Nam	2.82	Khá	Kỹ thuật dầu khí	DCDKTB56
345	1121010397	Đỗ Ngọc	Văn	25/08/1993	Nam	2.62	Khá	Kỹ thuật dầu khí	DCDKTB56
346	1121011019	Hoàng Hải	Giang	19/05/1993	Nữ	2.64	Khá	Kỹ thuật dầu khí	DCDKTB56VT
347	1121011035	Trần Ngọc	Kiên	21/10/1993	Nam	2.81	Khá	Kỹ thuật dầu khí	DCDKTB56VT
348	1121011092	Lê Văn	Nhật	23/10/1993	Nam	2.77	Khá	Kỹ thuật dầu khí	DCDKTB56VT
349	1121011048	Vũ Hồng	Phúc	23/07/1993	Nam	2.54	Khá	Kỹ thuật dầu khí	DCDKTB56VT
350	1121011055	Lê Quốc	Thanh	18/04/1992	Nam	2.56	Khá	Kỹ thuật dầu khí	DCDKTB56VT
351	1121011096	Phan Nhân	Thức	29/04/1993	Nam	2.48	Trung bình	Kỹ thuật dầu khí	DCDKTB56VT
352	0924010068	Vũ Quốc	Khánh	02/09/1991	Nam	2.52	Khá	Quản trị kinh doanh	DCKTKD54A
353	0921030357	Đoàn Thị Thu	Quỳnh	16/08/1991	Nam	2.84	Khá	Quản trị kinh doanh	DCKTKD55A
354	0921040021	Nguyễn Mạnh	Cường	29/08/1991	Nam	2.58	Khá	Quản trị kinh doanh	DCKTKD55B
355	1124010293	Lê Thị	Tâm	15/12/1993	Nữ	2.84	Khá	Quản trị kinh doanh	DCKTKD56A
356	0921030127	Bùi Thị Thanh	Vân	30/11/1991	Nam	2.80	Khá	Quản trị kinh doanh	DCKTKD56A
357	1124010057	Nguyễn Thị Huyền	Giang	16/08/1993	Nữ	2.16	Trung bình	Quản trị kinh doanh	DCKTKD56C
358	1124010095	Đào Thị	Hoa	03/01/1993	Nữ	2.38	Trung bình	Quản trị kinh doanh	DCKTKD56C
359	1124010140	Nguyễn Thanh	Hương	02/03/1993	Nữ	2.61	Khá	Quản trị kinh doanh	DCKTKD56C
360	1124010346	Nguyễn Thị	Thúy	22/06/1993	Nữ	2.41	Trung bình	Quản trị kinh doanh	DCKTKD56D
361	1224010006	Nguyễn Hoàng Kiều	Anh	10/08/1994	Nữ	2.61	Khá	Quản trị kinh doanh	DCKTKD57A
362	1121050017	Trịnh Minh	Dũng	12/01/1993	Nam	2.28	Trung bình	Quản trị kinh doanh	DCKTKD57A
363	1224010050	Bùi Việt	Giang	23/04/1994	Nam	2.71	Khá	Quản trị kinh doanh	DCKTKD57A
364	1224010076	Nguyễn Thị Thu	Hằng	12/05/1994	Nữ	2.64	Khá	Quản trị kinh doanh	DCKTKD57A

Handwritten signature

365	1224010103	Trần Thị	Hoài	24/03/1994	Nữ	2.45	Trung bình	Quản trị kinh doanh	DCKTKD57A
366	1224010412	Nguyễn Đức	Khánh	02/09/1993	Nam	2.19	Trung bình	Quản trị kinh doanh	DCKTKD57A
367	1224010149	Nguyễn Thị	Lan	24/01/1994	Nữ	2.51	Khá	Quản trị kinh doanh	DCKTKD57A
368	1224010168	Bùi Thị	Lương	14/11/1994	Nữ	2.69	Khá	Quản trị kinh doanh	DCKTKD57A
369	1224010183	Bùi Thị	Mơ	04/02/1994	Nữ	2.41	Trung bình	Quản trị kinh doanh	DCKTKD57A
370	1224010248	Nguyễn Chí	Thanh	01/11/1993	Nam	2.19	Trung bình	Quản trị kinh doanh	DCKTKD57A
371	1224010295	Trần Văn	Toàn	21/10/1994	Nam	2.22	Trung bình	Quản trị kinh doanh	DCKTKD57A
372	1224010320	Nguyễn Hoàng	Tuân	20/01/1994	Nam	2.45	Trung bình	Quản trị kinh doanh	DCKTKD57A
373	1221020553	Phạm Thị Hải	Vân	29/09/1994	Nữ	2.56	Khá	Quản trị kinh doanh	DCKTKD57A
374	1224010338	Ngô Thị	Xuân	22/08/1993	Nữ	2.44	Trung bình	Quản trị kinh doanh	DCKTKD57A
375	1224010017	Nguyễn Thị	ánh	03/10/1994	Nữ	2.44	Trung bình	Quản trị kinh doanh	DCKTKD57B
376	1224010033	Lê Quý	Diệp	05/02/1994	Nam	2.32	Trung bình	Quản trị kinh doanh	DCKTKD57B
377	1224010089	Nguyễn Đức	Hiếu	15/04/1994	Nam	2.50	Khá	Quản trị kinh doanh	DCKTKD57B
378	1224010188	Đặng Văn	Nam	10/02/1994	Nam	2.03	Trung bình	Quản trị kinh doanh	DCKTKD57B
379	1224010251	Đào Thị	Thao	19/03/1993	Nữ	2.50	Khá	Quản trị kinh doanh	DCKTKD57B
380	1221020478	Phạm Thị Minh	Thu	28/12/1994	Nữ	2.72	Khá	Quản trị kinh doanh	DCKTKD57B
381	1224010274	Hoàng Thị	Thùy	12/06/1994	Nữ	2.84	Khá	Quản trị kinh doanh	DCKTKD57B
382	1224010298	Kiều Thị	Trang	24/02/1994	Nữ	2.25	Trung bình	Quản trị kinh doanh	DCKTKD57B
383	1224010010	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	10/11/1993	Nữ	2.41	Trung bình	Quản trị kinh doanh	DCKTKD57C
384	1224010047	Lê Văn	Diệp	16/11/1994	Nam	2.09	Trung bình	Quản trị kinh doanh	DCKTKD57C
385	1224010118	Trần Thị Kim	Huệ	01/04/1993	Nữ	2.57	Khá	Quản trị kinh doanh	DCKTKD57C
386	1221040113	Vũ Mạnh	Huy	24/04/1994	Nam	2.83	Khá	Quản trị kinh doanh	DCKTKD57C
387	1224010196	Phạm Thị	Ngọc	16/10/1994	Nữ	2.00	Trung bình	Quản trị kinh doanh	DCKTKD57C

10/2

388	1224010199	Hoàng Thị	Nhâm	13/06/1994	Nữ	2.25	Trung bình	Quản trị kinh doanh	DCKTKD57C
389	1224010198	Vũ Thị	Nhân	17/07/1994	Nữ	2.58	Khá	Quản trị kinh doanh	DCKTKD57C
390	1224010232	Nguyễn Thị	Quyên	12/04/1993	Nữ	2.77	Khá	Quản trị kinh doanh	DCKTKD57C
391	1224010317	Nguyễn	Trung	11/12/1994	Nam	2.08	Trung bình	Quản trị kinh doanh	DCKTKD57C
392	1224010346	Nguyễn Thị Hải	Yến	21/07/1994	Nữ	2.24	Trung bình	Quản trị kinh doanh	DCKTKD57C
393	1124010375	Nguyễn Thị Thu	Trang	12/06/1993	Nữ	2.55	Khá	Kế toán	DCKTKT_56B
394	1124010070	Mai Thế	Hải	28/04/1993	Nam	3.60	Xuất sắc	Kế toán	DCKTKT_56C
395	1121040275	Lê Thị Huyền	Trang	07/08/1993	Nữ	2.77	Khá	Kế toán	DCKTKT_56C
396	1224010011	Trần Thị	Anh	16/08/1994	Nữ	2.72	Khá	Kế toán	DCKTKT_57A
397	1224010360	Hoàng Minh	Đức	05/02/1994	Nam	2.16	Trung bình	Kế toán	DCKTKT_57A
398	1221020329	Trần Thị Thanh	Hoa	25/04/1994	Nữ	3.00	Khá	Kế toán	DCKTKT_57A
399	1221050211	Trần Thị	Hồng	23/12/1994	Nữ	3.22	Khá	Kế toán	DCKTKT_57A
400	1224010150	Phạm Thị Ngọc	Liên	04/09/1994	Nữ	2.88	Khá	Kế toán	DCKTKT_57A
401	1224010214	Trần Thị Kim	Oanh	20/01/1994	Nữ	2.56	Khá	Kế toán	DCKTKT_57A
402	1224010225	Nguyễn Thúy	Phượng	26/03/1994	Nữ	2.81	Khá	Kế toán	DCKTKT_57A
403	1224010268	Hoàng Thị Lệ	Thu	20/03/1994	Nữ	2.66	Khá	Kế toán	DCKTKT_57A
404	1221040485	Đoàn Thị Hải	Yến	01/11/1994	Nữ	2.82	Khá	Kế toán	DCKTKT_57A
405	1224010012	Trịnh Thị Lan	Anh	03/09/1994	Nữ	2.70	Khá	Kế toán	DCKTKT_57B
406	1224010018	Bùi Huy	Bách	03/05/1994	Nam	2.55	Khá	Kế toán	DCKTKT_57B
407	1224010038	Đỗ Trần Hạnh	Dung	27/07/1994	Nữ	2.54	Khá	Kế toán	DCKTKT_57B
408	1224010099	Vũ Thị	Hoa	09/01/1994	Nữ	2.60	Khá	Kế toán	DCKTKT_57B
409	1224010156	Nguyễn Thị	Linh	03/10/1994	Nữ	2.73	Khá	Kế toán	DCKTKT_57B
410	1221020372	Phạm Đức	Long	22/12/1994	Nam	2.27	Trung bình	Kế toán	DCKTKT_57B

Handwritten signature

411	1224010186	Vũ Thị Diễm	My	03/03/1994	Nữ	2.62	Khá	Kế toán	DCKTKT_57B
412	1221020397	Nguyễn Kỳ	Nam	05/09/1994	Nam	2.28	Trung bình	Kế toán	DCKTKT_57B
413	1224010249	Nguyễn Thị	Thanh	25/04/1993	Nữ	3.04	Khá	Kế toán	DCKTKT_57B
414	1224010255	Nguyễn Thị	Thảo	06/05/1994	Nữ	2.59	Khá	Kế toán	DCKTKT_57B
415	1224010258	Trần Thị	Thảo	30/03/1993	Nữ	2.72	Khá	Kế toán	DCKTKT_57B
416	1224010270	Nguyễn Thị	Thu	16/04/1994	Nữ	2.71	Khá	Kế toán	DCKTKT_57B
417	1221020527	Đào Minh	Trí	01/07/1994	Nam	2.57	Khá	Kế toán	DCKTKT_57B
418	1224010340	Lê Thị Bình	Yên	01/03/1994	Nữ	2.56	Khá	Kế toán	DCKTKT_57B
419	1224010052	Nguyễn Thị Lệ	Giang	15/02/1994	Nữ	2.94	Khá	Kế toán	DCKTKT_57C
420	1224010055	Lê Ngân	Hà	02/09/1994	Nữ	2.72	Khá	Kế toán	DCKTKT_57C
421	1224010078	Vũ Thị	Hằng	20/09/1994	Nữ	3.03	Khá	Kế toán	DCKTKT_57C
422	1224010152	Cán Thị Khánh	Linh	13/10/1994	Nữ	2.75	Khá	Kế toán	DCKTKT_57C
423	1224010287	Nguyễn Thị	Thư	17/02/1994	Nữ	2.61	Khá	Kế toán	DCKTKT_57C
424	1224010326	Trần Thị	Tươi	19/02/1994	Nữ	2.53	Khá	Kế toán	DCKTKT_57C
425	1224010479	Nguyễn Thị	Tuyết	13/09/1993	Nữ	2.99	Khá	Kế toán	DCKTKT_57C
426	1224010330	Nguyễn Thị Hồng	Uyên	08/12/1994	Nữ	2.58	Khá	Kế toán	DCKTKT_57C
427	1224010343	Nguyễn Hải	Yến	30/04/1994	Nữ	2.53	Khá	Kế toán	DCKTKT_57C
428	1224010059	Phạm Thu	Hà	10/03/1994	Nữ	2.69	Khá	Kế toán	DCKTKT_57D
429	1224010058	Nguyễn Thị Thu	Hà	31/03/1994	Nữ	2.70	Khá	Kế toán	DCKTKT_57D
430	1224010057	Nguyễn Thị	Hà	21/06/1994	Nữ	2.99	Khá	Kế toán	DCKTKT_57D
431	1224010130	Bùi Thị	Hương	02/11/1994	Nữ	2.47	Trung bình	Kế toán	DCKTKT_57D
432	1224010167	Nguyễn Thị	Lý	29/04/1994	Nữ	2.65	Khá	Kế toán	DCKTKT_57D
433	1224010166	Nguyễn Thị	Luyện	11/05/1994	Nữ	2.64	Khá	Kế toán	DCKTKT_57D

1102

434	1224010179	Lê Thị	Minh	08/01/1994	Nữ	2.62	Khá	Kế toán	DCKTKT_57D
435	1221040429	Trương Thị	Nhâm	09/07/1994	Nữ	3.28	Giỏi	Kế toán	DCKTKT_57D
436	1224010231	Đỗ Thị Hồng	Quyên	12/12/1993	Nữ	3.22	Giỏi	Kế toán	DCKTKT_57D
437	1224010324	Lê Thị	Tuyết	08/03/1994	Nữ	2.60	Khá	Kế toán	DCKTKT_57D
438	1224010335	Ninh Văn	Việt	20/08/1994	Nam	2.49	Trung bình	Kế toán	DCKTKT_57D
439	0964040067	Tổng Anh	Tuấn	30/11/1984	Nam	2.22	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	DCDKLD54TH
440	0921040235	Đình Khôi	Nguyễn	15/12/1990	Nam	2.18	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT54A
441	0921040131	Vũ Năng	Tuyền	07/06/1991	Nam	2.32	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT54A
442	0921020199	Đình Tiến	Dũng	18/12/1991	Nam	2.05	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT54C
443	0921040167	Nguyễn Đình	Chiều	31/07/1991	Nam	2.44	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT54C
444	0821050215	Nguyễn Duy	Toàn	23/03/1988	Nam	2.41	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT54QN
445	0920000220	Nguyễn Hữu	Hiệp	10/10/1991	Nam	2.56	Khá	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT54QN
446	1021040243	Trần Viết	Tài	06/04/1992	Nam	2.25	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT55A
447	1021040484	Trần Văn	Thắng	01/01/1992	Nam	2.18	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT55B
448	1021020224	Lương Trường	Son	20/09/1992	Nam	2.56	Khá	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT55B
449	1021040123	Phan Khánh	Hùng	23/05/1991	Nam	2.63	Khá	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT55C
450	1021040268	Vũ Nhật	Thành	4/17/1992	Nam	2.58	Khá	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT55D
451	1121040382	Đàm Xuân	Khoa	09/06/1993	Nam	2.22	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56A
452	1121040119	Nguyễn Quang	Huy	01/05/1993	Nam	2.26	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56A
453	1121040081	Phạm An	Giang	23/11/1993	Nam	2.33	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56A
454	1121040386	Phạm Trung	Kiên	29/07/1993	Nam	2.42	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56A
455	1121040228	Trần Anh	Son	14/03/1993	Nam	2.50	Khá	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56A
456	1121040372	Quách Văn	Hùng	15/12/1993	Nam	2.52	Khá	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56A

Handwritten signature

457	1121040022	Nguyễn Văn	Chờ	01/10/1992	Nam	2.53	Khá	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56A
458	1121040408	Phạm Văn	Son	06/03/1993	Nam	2.56	Khá	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56A
459	1121040030	Nguyễn Xuân	Cương	28/02/1993	Nam	2.56	Khá	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56A
460	1121040043	Nguyễn Châu	Duy	05/03/1993	Nam	2.59	Khá	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56A
461	1121040158	Trần	Lâm	27/05/1991	Nam	2.63	Khá	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56A
462	1121040021	Hoàng Ngọc	Chinh	02/01/1993	Nam	2.64	Khá	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56A
463	1121040365	Nguyễn Khắc	Hiệp	28/11/1992	Nam	2.66	Khá	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56A
464	1121040185	Lê Thế	Miền	17/09/1992	Nam	3.28	Giỏi	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56A
465	1121040373	Tạ Anh	Hùng	29/01/1993	Nam	2.20	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56B
466	1121040159	Vũ Phúc	Lâm	16/10/1992	Nam	2.22	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56B
467	1121040252	Phạm Công	Thắng	14/08/1993	Nam	2.28	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56B
468	1121040286	Trần Văn	Trung	20/03/1993	Nam	2.29	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56B
469	1121040300	Nguyễn Đình	Tuấn	20/08/1993	Nam	2.51	Khá	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56B
470	1121040091	Phạm Hữu	Hào	20/10/1993	Nam	2.57	Khá	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56B
471	1121040434	Nguyễn Hồng	Bảo	14/10/1993	Nam	2.60	Khá	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56B
472	1121040438	Đỗ Xuân	Huy	22/01/1993	Nam	2.60	Khá	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56B
473	1121040320	Nguyễn Danh	Vũ	20/01/1993	Nam	2.63	Khá	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56B
474	1121040203	Đỗ Văn	Quang	11/11/1993	Nam	2.64	Khá	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56B
475	1121040105	Trần Huy	Hoàng	19/12/1993	Nam	2.69	Khá	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56B
476	1121040069	Trần Ngọc	Đăng	14/07/1990	Nam	2.72	Khá	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56B
477	1121040326	Nguyễn Văn	Yên	30/04/1993	Nam	2.73	Khá	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56B
478	1121040297	Đỗ Quang	Tuấn	17/08/1993	Nam	3.02	Khá	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56B
479	1121040353	Lưu Hữu	Đại	20/01/1993	Nam	2.10	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56C

142

480	1121040223	Lại Văn	Son	22/09/1993	Nam	2.16	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56C
481	1121040442	Trần Hữu	Son	06/09/1993	Nam	2.22	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56C
482	1121060121	Phạm Xuân	Quỳnh	12/07/1993	Nam	2.33	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56C
483	1121040385	Nguyễn Văn	Kiên	02/02/1992	Nam	2.34	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56C
484	1121040117	Nguyễn Quang	Huy	16/07/1993	Nam	2.36	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56C
485	1121040089	Nguyễn Công	Hào	20/10/1993	Nam	2.36	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56C
486	1121040345	Nguyễn Mạnh	Cường	22/09/1993	Nam	2.39	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56C
487	1121040010	Trần Việt	Anh	26/12/1993	Nam	2.47	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56C
488	1121040202	Lê Xuân	Phúc	02/10/1993	Nam	2.54	Khá	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56C
489	1121040337	Nguyễn Văn	Ba	15/04/1993	Nam	2.55	Khá	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56C
490	1121040007	Nguyễn Minh Quang	Anh	08/09/1993	Nam	2.55	Khá	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56C
491	1121040077	Nguyễn Văn	Đức	28/12/1993	Nam	2.56	Khá	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56C
492	1121040293	Bùi Anh	Tuấn	05/08/1993	Nam	2.56	Khá	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56C
493	1124010040	Phí Đình	Dũng	22/09/1993	Nam	2.58	Khá	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56C.
494	1121040085	Tô Thanh	Hải	28/01/1993	Nam	2.59	Khá	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56C
495	1121040431	Trần Đăng	Tùng	28/02/1992	Nam	2.63	Khá	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56C
496	1121040195	Trịnh Văn	Nguyễn	17/10/1993	Nam	2.64	Khá	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56C
497	1121040023	Phạm Quang	Chung	06/02/1993	Nam	2.67	Khá	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56C
498	1121040380	Cao Mạnh	Khải	25/09/1992	Nam	2.68	Khá	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56C
499	1121040217	Vũ Duy	Quyết	10/09/1993	Nam	2.70	Khá	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56C
500	1121040123	Nguyễn Văn	Huy	02/03/1993	Nam	2.70	Khá	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56C
501	1121040084	Nguyễn Văn	Hải	18/06/1992	Nam	3.09	Khá	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56C
502	1121040064	Nguyễn Quang	Đạt	04/01/1992	Nam	3.19	Khá	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56C

112

503	1121040100	Cao Thế	Hoàn	11/06/1993	Nam	2.06	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56D
504	1121040174	Phạm Ngọc	Luân	29/10/1993	Nam	2.13	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56D
505	1121060235	Ngô Quang	Lâm	23/03/1993	Nam	2.13	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56D
506	1121040352	Đinh Văn	Dương	17/10/1993	Nam	2.15	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56D
507	1121040206	Nguyễn Văn	Quang	09/03/1992	Nam	2.23	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56D
508	1121040309	Trần Văn	Tuyên	11/04/1993	Nam	2.34	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56D
509	1121040303	Lê Thanh	Tùng	06/09/1993	Nam	2.35	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56D
510	1121040399	Trần Hữu	Phúc	16/08/1990	Nam	2.36	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56D
511	1121040403	Nguyễn Hữu	Quảng	31/07/1993	Nam	2.41	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56D
512	1121040193	Đoàn Anh	Ngọc	21/11/1993	Nam	2.43	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56D
513	1121040102	Nguyễn Đức	Hoàn	30/06/1993	Nam	2.45	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56D
514	1121040359	Phạm Khắc	Giáp	06/09/1992	Nam	2.65	Khá	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56D
515	1121040074	Trần Xuân	Định	12/02/1993	Nam	2.66	Khá	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56D
516	1121040269	Nguyễn Ngọc	Toàn	16/12/1993	Nam	2.78	Khá	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56D
517	1121040166	Vũ Văn	Linh	16/06/1993	Nam	3.16	Khá	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56D
518	1121040116	Hoàng Quốc	Huy	16/06/1993	Nam	2.20	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56G
519	1121040018	Lại Duy	Biển	21/11/1993	Nam	2.29	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56G
520	1121050127	Nguyễn Thanh	Tùng	24/04/1992	Nam	2.30	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56G
521	1121040032	Thái Doãn	Cường	07/10/1993	Nam	2.31	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56G
522	1121040013	Chu Xuân	Bách	10/03/1993	Nam	2.38	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56G
523	1121040042	Lê Đức	Duy	23/08/1993	Nam	2.47	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56G
524	1121040245	Trần Tiến	Thành	20/02/1993	Nam	2.64	Khá	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56G
525	1121040213	Bùi Văn	Quyên	01/06/1993	Nam	2.77	Khá	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56G

11/2

526	1121040101	Lương Văn	Hoán	25/03/1993	Nam	2.90	Khá	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56G
527	1121040062	Ngô Văn	Đạt	19/05/1993	Nam	2.25	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56H
528	1121040280	Lê Đức Bảo	Trung	09/05/1993	Nam	2.26	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56H
529	1121040127	Vũ Văn	Huỳnh	16/05/1991	Nam	2.27	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56H
530	1121040111	Lê Thanh	Huấn	09/03/1993	Nam	2.40	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56H
531	1121040128	Hoàng Văn	Hưng	10/10/1993	Nam	2.44	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56H
532	1121040035	Phạm Văn	Dinh	31/01/1993	Nam	2.47	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56H
533	1121040212	Trần Viết	Quý	13/02/1992	Nam	2.48	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56H
534	1121040271	Nguyễn Văn	Toán	20/08/1992	Nam	2.50	Khá	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56H
535	1121040121	Nguyễn Tiến	Huy	28/09/1993	Nam	2.68	Khá	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56H
536	1121040446	Nguyễn Đức	Vinh	09/05/1993	Nam	2.75	Khá	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56H
537	1121040056	Nguyễn Thị Thùy	Dương	15/02/1993	Nữ	3.12	Khá	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56H
538	1121041036	Trần Văn	Thịnh	25/07/1993	Nam	2.25	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56QN
539	1121041019	Lê Duy	Hoàng	07/07/1993	Nam	2.27	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56QN
540	1121041009	Tăng Văn	Đạt	13/04/1993	Nam	2.30	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56QN
541	1121041025	Trịnh Hồng	Long	08/07/1992	Nam	2.34	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56QN
542	1121041039	Bùi Mạnh	Tú	12/04/1990	Nam	2.40	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56QN
543	1121041017	Hoàng Đức	Hiếu	03/11/1993	Nam	2.41	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56QN
544	1121041043	Phạm Xuân	Tuấn	10/10/1993	Nam	2.41	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56QN
545	1121041033	Nguyễn Hữu	Tân	04/03/1993	Nam	2.44	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56QN
546	1121041030	Bùi Minh	Quyết	22/02/1993	Nam	2.56	Khá	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56QN
547	1121041027	Đào Thị	Nga	02/08/1993	Nữ	2.66	Khá	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56QN
548	1121041035	Phạm Văn	Thành	27/09/1993	Nam	2.76	Khá	Kỹ thuật mỏ	DCMOKT56QN

182

549	1121041016	Nguyễn Thị Hằng	05/08/1993	Nữ	2.82	Khá	Kỹ thuật mô	DCMOKT56QN
550	1121041042	Lê Văn Việt	23/02/1993	Nam	2.87	Khá	Kỹ thuật mô	DCMOKT56QN
551	0921040368	Nguyễn Thanh Sơn	06/08/1991	Nam	2.07	Trung bình	Kỹ thuật công trình xây dựng	DCMONM54
552	0920000226	Vũ Đức Kiên	28/11/1991	Nam	2.46	Trung bình	Kỹ thuật tuyến khoáng	DCMOTK54
553	1021040368	Lê Văn Miên	17/05/1991	Nam	2.17	Trung bình	Kỹ thuật công trình xây dựng	DCMONM55A
554	1021040437	Trần Tiến Tùng	07/02/1992	Nam	2.11	Trung bình	Kỹ thuật công trình xây dựng	DCMONM55A
555	1021040131	Triệu Quang Huy	23/11/1992	Nam	2.31	Trung bình	Kỹ thuật công trình xây dựng	DCMONM55B
556	1021040244	Nguyễn Ngọc Tâm	20/09/1992	Nam	2.36	Trung bình	Kỹ thuật công trình xây dựng	DCMONM55B
557	1021040468	Nguyễn Quốc Tiến	06/07/1991	Nam	2.59	Khá	Kỹ thuật công trình xây dựng	DCMONM55B
558	1021040362	Đào Quốc Việt	12/03/1991	Nam	2.35	Trung bình	Kỹ thuật công trình xây dựng	DCMONM55B
559	1021040465	Phạm Văn Thành	16/06/1991	Nam	2.29	Trung bình	Kỹ thuật tuyến khoáng	DCMOTK55
560	1021040464	Trần Thiện Tùng	01/08/1992	Nam	2.06	Trung bình	Kỹ thuật tuyến khoáng	DCMOTK55
561	1021040337	Trịnh Xuân Tú	21/06/1992	Nam	2.69	Khá	Kỹ thuật công trình xây dựng	DCMOXN55
562	1121070054	Lê Đức Anh	20/12/1993	Nam	2.22	Trung bình	Kỹ thuật công trình xây dựng	DCMONM56
563	1121070138	Nguyễn Bình Giang	13/06/1993	Nam	2.56	Khá	Kỹ thuật công trình xây dựng	DCMONM56
564	1121070007	Nguyễn Văn Giang	10/10/1993	Nam	2.59	Khá	Kỹ thuật công trình xây dựng	DCMONM56
565	1121070008	Lê Văn Hà	20/08/1993	Nam	2.17	Trung bình	Kỹ thuật công trình xây dựng	DCMONM56
566	1121070077	Nguyễn Hoàng Hào	25/03/1993	Nam	2.58	Khá	Kỹ thuật công trình xây dựng	DCMONM56
567	1121070085	Phạm Văn Hưng	16/04/1992	Nam	2.15	Trung bình	Kỹ thuật công trình xây dựng	DCMONM56
568	1121070017	Nguyễn Trọng Hưng	01/04/1992	Nam	2.28	Trung bình	Kỹ thuật công trình xây dựng	DCMONM56
569	1121070023	Nguyễn Mạnh Long	29/05/1993	Nam	2.24	Trung bình	Kỹ thuật công trình xây dựng	DCMONM56
570	1121070028	Hoàng Văn Nam	08/01/1992	Nam	2.33	Trung bình	Kỹ thuật công trình xây dựng	DCMONM56
571	1121070103	Ngô Bá Quán	18/07/1992	Nam	2.22	Trung bình	Kỹ thuật công trình xây dựng	DCMONM56

Handwritten signature

572	1121070031	Phùng Văn	Quân	24/02/1993	Nam	2.30	Trung bình	Kỹ thuật công trình xây dựng	DCMONM56
573	1121070101	Lê Minh	Quang	27/05/1993	Nam	2.35	Trung bình	Kỹ thuật công trình xây dựng	DCMONM56
574	1121070030	Phạm Thế	Quang	06/03/1993	Nam	2.35	Trung bình	Kỹ thuật công trình xây dựng	DCMONM56
575	1121070033	Nguyễn Văn	Quý	04/04/1993	Nam	2.28	Trung bình	Kỹ thuật công trình xây dựng	DCMONM56
576	1121070032	Cao Văn	Quý	26/04/1992	Nam	2.52	Khá	Kỹ thuật công trình xây dựng	DCMONM56
577	1121070035	Đỗ Đại	Son	29/12/1993	Nam	2.44	Trung bình	Kỹ thuật công trình xây dựng	DCMONM56
578	1121070040	Vũ Văn	Thạo	10/05/1993	Nam	2.16	Trung bình	Kỹ thuật công trình xây dựng	DCMONM56
579	1121070043	Nguyễn Văn	Thức	03/12/1993	Nam	2.79	Khá	Kỹ thuật công trình xây dựng	DCMONM56
580	1121070129	Ngô Quốc	Việt	16/12/1993	Nam	2.20	Trung bình	Kỹ thuật công trình xây dựng	DCMONM56
581	1121070151	Hoàng Đình	Vĩnh	27/07/1993	Nam	2.14	Trung bình	Kỹ thuật công trình xây dựng	DCMONM56
582	1121040344	Trương Minh	Công	21/11/1992	Nam	2.54	Khá	Kỹ thuật tuyển khoáng	DCMOTK56
583	1121040357	Nguyễn Văn	Đức	26/03/1992	Nam	2.58	Khá	Kỹ thuật tuyển khoáng	DCMOTK56
584	1121040057	Nguyễn Văn	Dương	12/10/1993	Nam	2.30	Trung bình	Kỹ thuật tuyển khoáng	DCMOTK56
585	1121040138	Nguyễn Văn	Hữu	17/04/1993	Nam	2.48	Trung bình	Kỹ thuật tuyển khoáng	DCMOTK56
586	1121040126	Nguyễn Thị	Huyền	30/01/1993	Nữ	3.06	Khá	Kỹ thuật tuyển khoáng	DCMOTK56
587	1121040144	Phạm Văn	Khánh	21/03/1993	Nam	2.72	Khá	Kỹ thuật tuyển khoáng	DCMOTK56
588	1121040154	Nguyễn Trung	Kiên	01/11/1993	Nam	2.44	Trung bình	Kỹ thuật tuyển khoáng	DCMOTK56
589	1121040183	Trần Văn	Mạnh	15/12/1993	Nam	2.10	Trung bình	Kỹ thuật tuyển khoáng	DCMOTK56
590	1121040222	Kiều Đức	Son	04/05/1993	Nam	2.90	Khá	Kỹ thuật tuyển khoáng	DCMOTK56
591	1121040237	Hoàng Văn	Thành	21/02/1993	Nam	2.26	Trung bình	Kỹ thuật tuyển khoáng	DCMOTK56
592	1121040262	Hà Quang	Thuy	21/03/1993	Nam	2.14	Trung bình	Kỹ thuật tuyển khoáng	DCMOTK56
593	1121020251	Nguyễn Mạnh	Cường	04/06/1993	Nam	2.56	Khá	Kỹ thuật công trình xây dựng	DCMOXN56
594	1121070060	Hoàng Quang	Diện	11/04/1991	Nam	2.55	Khá	Kỹ thuật công trình xây dựng	DCMOXN56

1102

595	1121070067	Lê Bình	Định	01/10/1992	Nam	2.30	Trung bình	Kỹ thuật công trình xây dựng	DCMOXN56
596	1121070069	Giang Huỳnh	Đức	18/03/1993	Nam	2.64	Khá	Kỹ thuật công trình xây dựng	DCMOXN56
597	1121070081	Nguyễn Văn	Huân	11/07/1993	Nam	2.18	Trung bình	Kỹ thuật công trình xây dựng	DCMOXN56
598	1121070012	Cao Anh	Hùng	11/07/1993	Nam	2.33	Trung bình	Kỹ thuật công trình xây dựng	DCMOXN56
599	1121050052	Nguyễn Duy	Khánh	09/10/1993	Nam	2.69	Khá	Kỹ thuật công trình xây dựng	DCMOXN56
600	1121070147	Lê Hoàng	Long	06/08/1992	Nam	2.43	Trung bình	Kỹ thuật công trình xây dựng	DCMOXN56
601	1121070100	Đoàn Xuân	Quang	21/09/1993	Nam	2.44	Trung bình	Kỹ thuật công trình xây dựng	DCMOXN56
602	1121070036	Ninh Công	Son	14/06/1993	Nam	2.13	Trung bình	Kỹ thuật công trình xây dựng	DCMOXN56
603	1121070149	Mai Văn	Tam	10/07/1993	Nam	2.20	Trung bình	Kỹ thuật công trình xây dựng	DCMOXN56
604	1121070113	Trần Văn	Thắng	01/10/1993	Nam	2.49	Trung bình	Kỹ thuật công trình xây dựng	DCMOXN56
605	1121070122	Nguyễn Đức	Trúc	24/02/1992	Nam	2.34	Trung bình	Kỹ thuật công trình xây dựng	DCMOXN56
606	1121070127	Hoàng Quốc	Việt	19/08/1992	Nam	2.53	Khá	Kỹ thuật công trình xây dựng	DCMOXN56
607	1121080084	Nguyễn Đức	Chiến	01/12/1993	Nam	2.81	Khá	Kỹ thuật môi trường	DCMTDS56
608	1121080006	Vũ Thị	Diệp	27/03/1993	Nữ	2.56	Khá	Kỹ thuật môi trường	DCMTDS56
609	1121080009	Nguyễn Quốc Mạnh	Hà	13/03/1993	Nam	2.59	Khá	Kỹ thuật môi trường	DCMTDS56
610	1121080011	Đặng Thị Ngọc	Hoa	12/07/1993	Nữ	2.55	Khá	Kỹ thuật môi trường	DCMTDS56
611	1121080044	Dương Văn	Hòa	20/12/1993	Nam	2.56	Khá	Kỹ thuật môi trường	DCMTDS56
612	1121080016	Trần Thị	Hương	03/05/1993	Nữ	2.72	Khá	Kỹ thuật môi trường	DCMTDS56
613	1121080019	Vũ Thị	Linh	11/08/1993	Nữ	2.83	Khá	Kỹ thuật môi trường	DCMTDS56
614	1121080061	Lê Thị	Nga	13/11/1992	Nữ	2.85	Khá	Kỹ thuật môi trường	DCMTDS56
615	1121030130	Hà Quỳnh	Phương	25/09/1993	Nữ	2.54	Khá	Kỹ thuật môi trường	DCMTDS56
616	1121080068	Nguyễn Thị	Thắng	23/01/1992	Nữ	2.97	Khá	Kỹ thuật môi trường	DCMTDS56
617	1121080034	Nguyễn Tuấn	Anh	25/07/1993	Nam	2.08	Trung bình	Kỹ thuật môi trường	DCMTKT56

1182

618	1121080086	Nguyễn Thị	Giang	18/04/1993	Nữ	2.73	Khá	Kỹ thuật môi trường	DCMTKT56
619	1121080052	Đặng Minh	Khang	29/11/1993	Nam	2.49	Trung bình	Kỹ thuật môi trường	DCMTKT56
620	1121080059	Đỗ Thị	Mận	01/04/1993	Nữ	2.69	Khá	Kỹ thuật môi trường	DCMTKT56
621	1121080063	Lê Đức	Phú	01/03/1993	Nam	2.57	Khá	Kỹ thuật môi trường	DCMTKT56
622	1121080090	Nguyễn Văn	Tiến	01/07/1993	Nam	2.70	Khá	Kỹ thuật môi trường	DCMTKT56
623	1121020405	Lê Văn	Vượng	24/09/1992	Nam	2.82	Khá	Kỹ thuật môi trường	DCMTKT56
624	0821030081	Cao Đức	Phúc	10/04/1990	Nam	2.08	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDTM54
625	1021030010	Lê Chí	Bằng	9/3/1991	Nam	2.52	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDGI55
626	1021030077	Phạm Văn	Hùng	9/28/1989	Nam	2.10	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDGI55
627	1021030026	Nguyễn Tiến	Dũng	11/02/1992	Nam	2.33	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDTD_55B
628	1021030440	Vũ Tuấn	Hoàng	25/07/1992	Nam	2.17	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDTD_55B
629	1021030511	Lương Xuân	Huân	06/02/1992	Nam	2.38	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDTD_55B
630	1021030127	Lê Văn	Nhân	14/11/1991	Nam	2.67	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDTD_55B
631	1021030089	Nguyễn Ngọc	Kiên	03/03/1992	Nam	2.55	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDTD_55C
632	1021030110	Đoàn Kim	Minh	24/05/1992	Nam	2.61	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDTD_55C
633	1021030524	Trần Văn	Thành	25/09/1991	Nam	2.54	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDTD_55C
634	1021030203	Nguyễn Trọng	Toàn	02/09/1992	Nam	2.45	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDTD_55C
635	1021030006	Phạm Đức	Anh	18/02/1992	Nam	2.55	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDTM55
636	1021030550	Nguyễn Văn	Hiển	16/02/1991	Nam	2.44	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDTM55
637	1021030238	Vũ Tiến	Tùng	06/11/1992	Nam	2.20	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDTM55
638	1121030007	Nguyễn Thế	Anh	15/08/1993	Nam	2.51	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDDBD56
639	1121030010	Nguyễn Thanh	Bình	06/10/1993	Nam	2.23	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDDBD56
640	1121030254	Vũ Khánh	Duy	12/08/1993	Nam	2.42	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDDBD56

1002

641	1121030063	Nguyễn Văn	Hậu	13/10/1990	Nam	2.35	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDBD56
642	1121030283	Lê Văn	Hiệp	26/03/1993	Nam	2.72	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDBD56
643	1121030078	Trần Thị	Hồng	13/10/1992	Nữ	2.67	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDBD56
644	1121030303	Phạm Đình	Huy	22/10/1992	Nam	2.32	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDBD56
645	1121030315	Nguyễn Văn	Khang	04/10/1993	Nam	2.19	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDBD56
646	1121030379	Vũ Đức	Quyết	06/10/1992	Nam	2.18	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDBD56
647	1121030204	Vũ Xuân	Tư	04/10/1992	Nam	2.65	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDBD56
648	1121030214	Phạm Văn	Yên	12/04/1993	Nam	2.23	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDBD56
649	1121030261	Trần Hưng	Đạo	29/06/1993	Nam	2.33	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDDC56
650	1121030055	Thái Doãn	Đường	26/09/1993	Nam	2.44	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDDC56
651	1121030079	Nguyễn Ngọc	Huân	08/12/1993	Nam	2.57	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDDC56
652	1121030089	Vũ Văn	Khánh	12/07/1993	Nam	2.58	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDDC56
653	1121030330	Vũ Du	Lịch	16/09/1993	Nam	2.45	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDDC56
654	1121030101	Bùi Khánh	Linh	15/08/1993	Nữ	2.75	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDDC56
655	1121030337	Nguyễn Thành	Luân	18/08/1993	Nam	2.20	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDDC56
656	1121030222	Trần Tuấn	Thành	03/04/1993	Nam	2.64	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDDC56
657	1121030174	Trương Đức	Thủy	30/04/1993	Nam	2.50	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDDC56
658	1121030186	Nguyễn Huyền	Trang	29/12/1993	Nữ	2.84	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDDC56
659	1121030465	Lê Thị Thu	Trang	24/09/1993	Nữ	3.02	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDDC56
660	1121030197	Đặng Anh	Tuấn	17/11/1992	Nam	2.30	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDDC56
661	1121030453	Nguyễn Quang	Vinh	08/12/1993	Nam	2.57	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDDC56
662	1121030054	Võ Minh	Đức	22/10/1992	Nam	2.22	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDGI56
663	1121030052	Nguyễn Văn	Đức	13/08/1992	Nam	2.40	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDGI56

162

664	1121030033	Trần Đăng	Duy	06/06/1993	Nam	2.45	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDGI56
665	1121030056	Nguyễn Quang	Giang	08/08/1993	Nam	2.37	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDGI56
666	1121030096	Phạm Mạnh	Kiều	25/10/1993	Nam	2.13	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDGI56
667	1121030110	Nguyễn Duy	Lợi	03/10/1993	Nam	2.06	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDGI56
668	1121030113	Nguyễn Văn	Luân	23/01/1993	Nam	2.23	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDGI56
669	1121030144	Trần Đức	Sáu	13/01/1992	Nam	2.60	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDGI56
670	1121030220	Nguyễn Hoàng	Son	11/09/1993	Nam	2.33	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDGI56
671	1121030178	Nguyễn Ngọc	Tiến	25/04/1993	Nam	2.09	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDGI56
672	1121030235	Hoàng Công	Bằng	01/04/1992	Nam	2.41	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDGI56A
673	1121030460	Nguyễn Văn	Chung	12/01/1993	Nam	2.34	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDGI56A
674	1121030022	Nguyễn Văn	Dinh	03/06/1993	Nam	2.53	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDGI56A
675	1121030051	Nguyễn Trung	Đức	08/04/1993	Nam	2.13	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDGI56A
676	1121030068	Lê Bá	Hiếu	17/06/1990	Nam	2.38	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDGI56A
677	1121050136	Vũ Thế	Long	25/04/1993	Nam	2.83	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDGI56A
678	1121030117	Nguyễn Văn	Mạnh	13/08/1993	Nam	2.42	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDGI56A
679	1121030366	Nguyễn Văn	Phúc	03/04/1992	Nam	2.22	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDGI56A
680	1121030131	Nguyễn Đăng	Quang	07/11/1993	Nam	2.27	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDGI56A
681	1121030141	Vũ Như	Quỳnh	18/06/1993	Nam	2.56	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDGI56A
682	1121030382	Ngô Văn	Sinh	31/03/1992	Nam	2.62	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDGI56A
683	1121030165	Nguyễn Duy	Thắng	07/12/1993	Nam	2.17	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDGI56A
684	1121030399	Bùi Văn	Thiện	11/12/1993	Nam	2.48	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDGI56A
685	1121030404	Nguyễn Văn	Thọ	13/10/1993	Nam	2.50	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDGI56A
686	1121030419	Hoàng Lâm	Tới	07/10/1992	Nam	2.17	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDGI56A

18/12

687	1121030189	Nguyễn Danh	Trung	17/07/1993	Nam	2.65	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDTD_56A
688	1121030200	Nguyễn Hữu	Tuấn	30/07/1993	Nam	2.98	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDTD_56A
689	1121030440	Nguyễn Thanh	Tùng	15/08/1991	Nam	2.35	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDTD_56A
690	1121030203	Phan Xuân	Tuyền	19/06/1992	Nam	2.72	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDTD_56A
691	1121030457	Phạm Thị Hải	Yến	21/04/1993	Nữ	2.73	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDTD_56A
692	1121030226	Lê Trọng	Anh	28/07/1993	Nam	2.43	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDTD_56B
693	1121030231	Vũ Tuấn	Anh	16/11/1993	Nam	2.59	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDTD_56B
694	1121030011	Nguyễn Xuân	Cao	03/03/1993	Nam	2.25	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDTD_56B
695	1121030014	Vũ Văn	Chức	12/02/1993	Nam	2.26	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDTD_56B
696	1121030021	Nguyễn Công	Diệu	06/05/1990	Nam	2.15	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDTD_56B
697	1121030027	Lê Văn	Dũng	10/09/1993	Nam	2.38	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDTD_56B
698	1121030032	Thân Văn	Duy	15/04/1993	Nam	2.26	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDTD_56B
699	1121030067	Phạm Tiến	Hiệp	25/12/1993	Nam	2.56	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDTD_56B
700	1121030069	Bùi Công	Hiếu	23/09/1993	Nam	2.83	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDTD_56B
701	1121030308	Nguyễn Văn	Huỳnh	29/12/1992	Nam	2.38	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDTD_56B
702	1121030319	Vũ Văn	Kiểm	30/10/1993	Nam	2.42	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDTD_56B
703	1121030094	Vũ Mạnh	Kiên	13/08/1993	Nam	2.80	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDTD_56B
704	1121030358	Phạm Duy	Nhất	03/02/1993	Nam	2.59	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDTD_56B
705	1121030365	Nguyễn Văn	Phúc	05/07/1993	Nam	2.48	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDTD_56B
706	1121030150	Bùi Đức	Tâm	29/07/1992	Nam	2.42	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDTD_56B
707	1121030161	Phạm Công	Thành	19/01/1993	Nam	3.00	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDTD_56B
708	1121030411	Trần Thị	Thủy	08/09/1993	Nữ	2.93	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDTD_56B
709	1121030432	Nguyễn Minh	Tuấn	13/07/1993	Nam	2.39	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDTD_56B

Handwritten signature

710	1121030450	Trần Công	Viên	20/04/1993	Nam	2.54	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bán đồ	DCTDTD_56B
711	1121030216	Nguyễn Thanh	Bắc	06/05/1993	Nam	2.62	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bán đồ	DCTDTD_56C
712	1121030016	Lê Bá	Cường	27/04/1993	Nam	2.26	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bán đồ	DCTDTD_56C
713	1121030045	Vũ Xuân	Định	14/06/1993	Nam	2.52	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bán đồ	DCTDTD_56C
714	1121030050	Nguyễn Trung	Đức	24/07/1993	Nam	2.34	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bán đồ	DCTDTD_56C
715	1121030034	Phạm Hữu	Duyệt	25/09/1993	Nam	2.37	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bán đồ	DCTDTD_56C
716	1121030064	Đỗ Văn	Hiển	26/01/1992	Nam	2.71	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bán đồ	DCTDTD_56C
717	1121030288	Nguyễn Đức	Hòa	07/07/1993	Nam	2.25	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bán đồ	DCTDTD_56C
718	1121030293	Vũ	Hoàng	12/02/1993	Nam	2.56	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bán đồ	DCTDTD_56C
719	1121030302	Nguyễn Hương	Huy	09/11/1992	Nam	3.04	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bán đồ	DCTDTD_56C
720	1121030326	Phạm Hồng	Lâm	21/02/1989	Nam	2.21	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bán đồ	DCTDTD_56C
721	1121030334	Trịnh Văn	Linh	04/09/1993	Nam	2.55	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bán đồ	DCTDTD_56C
722	1121030120	Hoàng Anh	Minh	11/10/1993	Nam	2.51	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bán đồ	DCTDTD_56C
723	1121020163	Nguyễn Mạnh	Quỳnh	05/10/1993	Nam	2.38	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bán đồ	DCTDTD_56C
724	1121030384	Phùng Ngọc	Son	06/03/1993	Nam	2.66	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bán đồ	DCTDTD_56C
725	1121030166	Nguyễn Văn	Thắng	22/10/1992	Nam	2.24	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bán đồ	DCTDTD_56C
726	1121030438	Nguyễn Duy	Tùng	18/04/1992	Nam	2.92	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bán đồ	DCTDTD_56C
727	1121030001	Trần Ngọc	An	15/11/1993	Nam	2.22	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bán đồ	DCTDTM56
728	1121030044	Nguyễn Xuân	Định	11/08/1993	Nam	2.78	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bán đồ	DCTDTM56
729	1121030024	Nguyễn Xuân	Doãn	08/07/1992	Nam	2.91	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bán đồ	DCTDTM56
730	1121030252	Trịnh Xuân	Dũng	10/08/1993	Nam	2.56	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bán đồ	DCTDTM56
731	1121030025	Đặng Văn	Dũng	28/06/1993	Nam	2.59	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bán đồ	DCTDTM56
732	1121030248	Hoàng Tiến	Dũng	14/02/1993	Nam	2.90	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bán đồ	DCTDTM56

162

733	1121030081	Trần Xuân	Hùng	15/11/1993	Nam	2.48	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDTM56
734	1121030084	Lê Thanh	Huỳnh	02/09/1993	Nam	2.78	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDTM56
735	1121030328	Vũ Xuân	Lân	16/10/1993	Nam	2.45	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDTM56
736	1121030122	Nguyễn Quang	Nam	09/02/1993	Nam	2.65	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDTM56
737	1121030362	Võ Minh	Phong	04/02/1992	Nam	2.52	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDTM56
738	1121030377	Phạm Xuân	Quý	03/06/1993	Nam	2.29	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDTM56
739	1121030383	Nguyễn Quang	Son	08/08/1993	Nam	2.51	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDTM56
740	1121030179	Nguyễn Thanh	Tiến	29/12/1992	Nam	2.11	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDTM56
741	1121030422	Vũ Đức	Triển	01/08/1993	Nam	2.50	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDTM56
742	1121030447	Vũ Văn	ứng	06/09/1993	Nam	2.67	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	DCTDTM56

1002

Số: 2910 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường đại học”;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH ngày 18 tháng 04 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất ban hành kèm theo Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 276/QĐ-MĐC ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Biên bản họp ngày 25 tháng 11 năm 2016 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ-Địa chất;

Xét kết quả học tập của sinh viên cao đẳng khóa 58 hệ chính quy;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng cho 96 sinh viên các ngành đào tạo: Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử, Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Công nghệ kỹ thuật địa chất, Kế toán, Công nghệ kỹ thuật mỏ, Công nghệ kỹ thuật trắc địa và Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng (Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTĐH(04)



PGS.TS Lê Hải An

DANH SÁCH SINH VIÊN CAO ĐẲNG ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP - ĐỢT 2 - NĂM 2016 (TÍN CHỈ)

(Kèm theo Quyết định số 2940/QĐ-MBC ngày 26 tháng 12 năm 2016)

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBTN	Xếp loại TN	Ngành đào tạo	Lớp, khóa
1	1311060084	Nguyễn Đức	Hoàng	05/05/1994	Nam	2.00	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	CCDDK58
2	1311060169	Nguyễn Văn	Thành	10/11/1995	Nam	2.01	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	CCDDK58
3	1311060225	Phạm Văn	Thiện	04/07/1995	Nam	2.04	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	CCDDK58
4	1311060175	Hoàng Văn	Thắng	14/05/1994	Nam	2.05	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	CCDDK58
5	1311060216	Phạm Thanh	Tùng	04/01/1995	Nam	2.07	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	CCDDK58
6	1311060019	Đình Công	Chức	15/09/1995	Nam	2.08	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	CCDDK58
7	1311060166	Cao Đình	Thanh	05/04/1993	Nam	2.10	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	CCDDK58
8	1311060189	Đoàn Ngọc	Tiếp	23/01/1995	Nam	2.11	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	CCDDK58
9	1311060031	Lý Hà	Dũng	16/03/1995	Nam	2.15	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	CCDDK58
10	1311060155	Nguyễn Hoài	Sơn	02/08/1994	Nam	2.01	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	CCDDTD58
11	1221010312	Tô Đình	Thanh	06/07/1994	Nam	2.02	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	CCDDTD58
12	1311060032	Nguyễn Hữu	Dũng	03/07/1995	Nam	2.03	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	CCDDTD58
13	1311060151	Chu Ngọc	Quý	29/06/1995	Nam	2.03	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	CCDDTD58
14	1311060184	Đỗ Anh	Thùy	06/03/1994	Nam	2.03	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	CCDDTD58
15	1311060099	Lê Duy	Hung	21/04/1995	Nam	2.03	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	CCDDTD58
16	1311060132	Nguyễn Xuân	Nam	03/02/1993	Nam	2.05	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	CCDDTD58
17	1311060133	Vũ Nhật	Nam	28/09/1994	Nam	2.05	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	CCDDTD58
18	1311060023	Mai Sỹ	Cường	20/02/1995	Nam	2.06	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	CCDDTD58
19	1311060087	Vũ Huy	Hoàng	09/10/1995	Nam	2.06	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	CCDDTD58

20	1311060029	Lê Đình	Đuẩn	31/12/1994	Nam	2.08	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	CCCDTD58
21	1311060106	Phạm Minh	Khang	03/04/1994	Nam	2.24	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	CCCDTD58
22	1311060004	Nguyễn Xuân	Anh	23/09/1994	Nam	2.28	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	CCCDTD58
23	1311060097	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	15/09/1994	Nữ	2.42	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	CCCDTD58
24	1311020025	Bùi Viết	Hòa	30/06/1995	Nam	2.03	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật địa chất	CCDCDC58
25	1311020060	Phạm Ngọc	Quyên	29/06/1995	Nam	2.03	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật địa chất	CCDCDC58
26	1311020077	Nguyễn Văn	Thông	30/11/1995	Nam	2.03	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật địa chất	CCDCDC58
27	1311020008	Nguyễn Văn	Cương	09/07/1995	Nam	2.05	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật địa chất	CCDCDC58
28	1311020080	Hoàng Ngọc	Tiến	28/04/1995	Nam	2.06	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật địa chất	CCDCDC58
29	1311020047	Lê Thanh	Nghiệp	18/03/1995	Nam	2.06	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật địa chất	CCDCDC58
30	1311020007	Nông Văn	Chung	12/05/1995	Nam	2.09	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật địa chất	CCDCDC58
31	1311020006	Lê Minh	Châu	12/06/1994	Nam	2.11	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật địa chất	CCDCDC58
32	1311020005	Lương Văn	Bằng	14/05/1995	Nam	2.13	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật địa chất	CCDCDC58
33	1311020070	Nguyễn Văn	Thành	04/01/1995	Nam	2.15	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật địa chất	CCDCDC58
34	1311020066	Nguyễn Văn	Son	04/02/1995	Nam	2.16	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật địa chất	CCDCDC58
35	1311020071	Trần Đăng	Thành	22/09/1993	Nam	2.20	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật địa chất	CCDCDC58
36	1311020095	Nguyễn Thế	Tùng	11/06/1994	Nam	2.32	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật địa chất	CCDCDC58
37	1311020036	Hà Giang	Long	02/04/1994	Nam	2.33	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật địa chất	CCDCDC58
38	1311020068	Nguyễn Đức	Thái	20/02/1995	Nam	2.48	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật địa chất	CCDCDC58
39	1311020102	Ngô Thị	Yến	05/11/1995	Nữ	2.51	Khá	Công nghệ kỹ thuật địa chất	CCDCDC58
40	1311020059	Phạm Thanh	Quang	20/09/1995	Nam	2.51	Khá	Công nghệ kỹ thuật địa chất	CCDCDC58
41	1311020050	Nguyễn Văn	Ninh	29/10/1994	Nam	2.57	Khá	Công nghệ kỹ thuật địa chất	CCDCDC58
42	1311020082	Nguyễn Đức	Tốt	04/06/1994	Nam	2.63	Khá	Công nghệ kỹ thuật địa chất	CCDCDC58

172

43	1311020001	Nguyễn Thị Vân	Anh	12/10/1995	Nữ	2.66	Khá	Công nghệ kỹ thuật địa chất	CCDCDC58
44	1311060012	Nhữ Mạnh	Cao	11/07/1995	Nam	2.07	Trung bình	Kế toán	CCKTKT58
45	1314010038	Đỗ Thị	Hương	28/12/1995	Nữ	2.11	Trung bình	Kế toán	CCKTKT58
46	1314010010	Vũ Đình	Đạt	29/09/1995	Nam	2.13	Trung bình	Kế toán	CCKTKT58
47	1311050009	Bùi Lê	Dũng	20/12/1995	Nam	2.14	Trung bình	Kế toán	CCKTKT58
48	1314010029	Nguyễn Văn	Hoàn	13/08/1993	Nam	2.15	Trung bình	Kế toán	CCKTKT58
49	1314010057	Nguyễn Thị	Mùi	13/08/1995	Nữ	2.20	Trung bình	Kế toán	CCKTKT58
50	1314010024	Nguyễn Thị Xuân	Hoa	13/08/1995	Nữ	2.22	Trung bình	Kế toán	CCKTKT58
51	1314010013	Đỗ Hoàng	Giang	3/5/1995	Nữ	2.28	Trung bình	Kế toán	CCKTKT58
52	1314010095	Nguyễn Thị	Trang	15/07/1995	Nữ	2.41	Trung bình	Kế toán	CCKTKT58
53	1314010001	Đỗ Thị Lan	Anh	17/03/1995	Nữ	2.42	Trung bình	Kế toán	CCKTKT58
54	1314010103	Nguyễn Thị	Tuyết	05/01/1995	Nữ	2.44	Trung bình	Kế toán	CCKTKT58
55	1314010080	Lê Hồng	Thảo	24/12/1994	Nữ	2.46	Trung bình	Kế toán	CCKTKT58
56	1314010112	Nguyễn Thị	Nhân	27/10/1995	Nữ	2.48	Trung bình	Kế toán	CCKTKT58
57	1314010072	Phạm Thị	Quên	01/09/1995	Nữ	2.49	Trung bình	Kế toán	CCKTKT58
58	1314010067	Trần Thị	Nhung	22/12/1994	Nữ	2.51	Khá	Kế toán	CCKTKT58
59	1314010066	Phùng Thị	Nhung	06/05/1995	Nữ	2.54	Khá	Kế toán	CCKTKT58
60	1314010073	Bùi Thị Hương	Quỳnh	04/01/1995	Nữ	2.54	Khá	Kế toán	CCKTKT58
61	1314010107	Chu Hà	Vì	03/09/1995	Nữ	2.59	Khá	Kế toán	CCKTKT58
62	1314010060	Nguyễn Thị	Nga	19/10/1995	Nữ	2.60	Khá	Kế toán	CCKTKT58
63	1314010007	Đặng Thị	Duyên	08/07/1994	Nữ	2.60	Khá	Kế toán	CCKTKT58
64	1314010021	Lê Thị	Hoa	22/08/1995	Nữ	2.61	Khá	Kế toán	CCKTKT58
65	1314010087	Vũ Thị	Thu	12/09/1995	Nữ	2.62	Khá	Kế toán	CCKTKT58

1/2

66	1314010064	Phan Thị Như	Ngọc	16/06/1995	Nữ	2.62	Khá	Kế toán	CKTKT58
67	1314010082	Nguyễn Thị Phương	Thảo	28/08/1995	Nữ	2.65	Khá	Kế toán	CKTKT58
68	1314010054	Trần Thị	Lý	04/04/1995	Nữ	2.66	Khá	Kế toán	CKTKT58
69	1314010063	Phạm Thị	Ngọc	15/03/1995	Nữ	2.66	Khá	Kế toán	CKTKT58
70	1314010078	Đào Thị	Tâm	06/06/1995	Nữ	2.67	Khá	Kế toán	CKTKT58
71	1314010016	Vũ Thị Thu	Hà	29/10/1995	Nữ	2.71	Khá	Kế toán	CKTKT58
72	1314010052	Ngô Thị	Lý	10/08/1995	Nữ	2.96	Khá	Kế toán	CKTKT58
73	1314010111	Cao Thị	Thu	10/02/1995	Nữ	3.00	Khá	Kế toán	CKTKT58
74	1314010081	Nguyễn Thị Phương	Thảo	13/01/1995	Nữ	3.21	Giỏi	Kế toán	CKTKT58
75	1314010093	Dương Thị Huyền	Trang	29/11/1995	Nữ	3.27	Giỏi	Kế toán	CKTKT58
76	1311040031	Nguyễn Quốc	Đạt	10/07/1995	Nam	2.01	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật mỏ	CCMOKT58
77	1311040137	Trịnh Xuân	Tuấn	13/03/1995	Nam	2.01	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật mỏ	CCMOKT58
78	1311040079	Nguyễn Trung	Nguyễn	8/6/1995	Nam	2.01	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật mỏ	CCMOKT58
79	1311040130	Phạm Văn	Trường	04/10/1994	Nam	2.03	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật mỏ	CCMOKT58
80	1311040096	Đỗ Văn	Tạo	02/09/1994	Nam	2.05	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật mỏ	CCMOKT58
81	1311040111	Trịnh Văn	Thịnh	21/10/1994	Nam	2.10	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật mỏ	CCMOKT58
82	1221040289	Hoàng Văn	Tuấn	14/07/1994	Nam	2.10	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật mỏ	CCMOKT58
83	1311040086	Vương Ngọc	Phúc	28/07/1994	Nam	2.13	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật mỏ	CCMOKT58
84	1311040068	Đỗ Văn	Luân	15/01/1995	Nam	2.13	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật mỏ	CCMOKT58
85	1311040045	Nguyễn Văn	Hiệp	22/11/1995	Nam	2.21	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật mỏ	CCMOKT58
86	1311040085	Nguyễn Công	Phú	11/10/1995	Nam	2.29	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật mỏ	CCMOKT58
87	1311040019	Ngô Văn	Cường	14/01/1993	Nam	2.55	Khá	Công nghệ kỹ thuật mỏ	CCMOKT58
88	1311030117	Vũ Tuấn	Thành	10/07/1995	Nam	2.11	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	CCTDTS58

Handwritten signature

89	1121030285	Phùng Khắc	Hiếu	25/02/1993	Nam	2.12	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	CCTD TD58
90	1221030462	Vi Mạnh	Toàn	06/07/1992	Nam	2.13	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	CCTD TD58
91	1311030150	Trịnh Thanh	Tùng	28/05/1995	Nam	2.16	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	CCTD TD58
92	1311030119	Nguyễn Đình	Thắng	18/02/1995	Nam	2.21	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	CCTD TD58
93	1311030124	Ngô Thị	Thủy	15/03/1995	Nữ	2.35	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	CCTD TD58
94	1311030093	Nguyễn Văn	Phường	1/21/1994	Nam	2.54	Khá	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	CCTD TD58
95	1311070026	Tăng Văn	Năm	07/10/1995	Nam	2.02	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	CCXD NM58
96	1311070041	Vũ Hồng	Sơn	27/08/1994	Nam	2.17	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	CCXD NM58

Handwritten signature

Số: 2911/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường đại học”;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH ngày 18 tháng 04 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất ban hành kèm theo Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 276/QĐ-MĐC ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Biên bản họp ngày 25 tháng 11 năm 2016 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ-Địa chất;

Xét kết quả học tập của sinh viên liên thông khóa 58 và khóa 59 hệ chính quy;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học cho 78 sinh viên các ngành đào tạo: Kỹ thuật Cơ khí, Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kỹ thuật Địa chất, Quản trị kinh doanh, Kế toán, Kỹ thuật Mỏ, Kỹ thuật Công trình xây dựng và Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ (Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTĐH₍₀₄₎

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Lê Hải An

DANH SÁCH SINH VIÊN LIÊN THÔNG ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP - ĐỢT 2 - NĂM 2016 (TIN CHỈ)
(Kèm theo Quyết định số 2911/QĐ-MĐC ngày 26 tháng 12 năm 2016)

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TB TN	Xếp loại TN	Ngành	Lớp
1	1431060020	Nguyễn Huy	Quân	17/06/1990	Nam	2.16	Trung bình	Kỹ thuật cơ khí	LCCDMT59
2	1431060009	Nguyễn Đức	Hào	09/05/1989	Nam	2.22	Trung bình	Kỹ thuật cơ khí	LCCDMT59
3	1431060025	Nguyễn Thế	Thời	26/02/1993	Nam	2.33	Trung bình	Kỹ thuật cơ khí	LCCDMT59
4	1431060003	Nguyễn Hữu	Chung	15/06/1993	Nam	2.42	Trung bình	Kỹ thuật cơ khí	LCCDMT59
5	1431060007	Lưu Đức	Đình	03/07/1992	Nam	2.54	Khá	Kỹ thuật cơ khí	LCCDMT59
6	1431060008	Đỗ Trung	Đức	30/12/1993	Nam	2.57	Khá	Kỹ thuật cơ khí	LCCDMT59
7	1431060019	Nguyễn Đức	Quang	10/10/1993	Nam	2.70	Khá	Kỹ thuật cơ khí	LCCDMT59
8	1431060017	Nguyễn Văn	Nam	11/11/1993	Nam	2.14	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	LCCDĐT59
9	1431060016	Nguyễn Văn	Luyinh	18/10/1993	Nam	2.23	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	LCCDĐT59
10	1431060027	Phạm Văn	Tuân	26/09/1993	Nam	2.28	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	LCCDĐT59
11	1431060012	Nguyễn Văn	Khoái	28/01/1993	Nam	2.39	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	LCCDĐT59
12	1431060015	Hoàng Văn	Long	13/08/1993	Nam	2.44	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	LCCDĐT59
13	1431060006	Trần Quang	Đạt	03/04/1993	Nam	2.78	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	LCCDĐT59
14	1331020309	Trần Trung	Hòa	26/12/1991	Nam	2.38	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	LCCDCC58
15	1431020010	Đinh Đức	Mạnh	28/11/1989	Nam	2.08	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	LCCDCC59
16	1431020020	Nguyễn Đức	Trọng	27/12/1992	Nam	2.15	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	LCCDCC59
17	1431020004	Đỗ Cao	Cường	28/09/1993	Nam	2.23	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	LCCDCC59

ML

18	1431020011	Hà Bình	Minh	11/11/1993	Nam	2.25	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	LCDCC59
19	1431020008	Trần Văn	Hoàng	07/11/1993	Nam	2.46	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	LCDCC59
20	1431020022	Nguyễn Minh	Tuấn	29/10/1992	Nam	2.47	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	LCDCC59
21	1431020015	Trần Đình	Ngọc	14/07/1993	Nam	2.49	Trung bình	Kỹ thuật địa chất	LCDCC59
22	1434010005	Nguyễn Văn	Đức	15/06/1993	Nam	2.37	Trung bình	Quản trị kinh doanh	LCKTKD59
23	1334010338	Nguyễn Thu	Quỳn	15/11/1992	Nữ	2.50	Khá	Kế toán	LCKTKT58
24	1434010002	Nguyễn Thị Lan	Anh	01/10/1993	Nữ	2.18	Trung bình	Kế toán	LCKTKT59
25	1434010039	Nguyễn Hằng	Trang	19/03/1992	Nữ	2.19	Trung bình	Kế toán	LCKTKT59
26	1434010003	Nguyễn Thị Lan	Anh	21/08/1993	Nữ	2.33	Trung bình	Kế toán	LCKTKT59
27	1434010018	Thái Việt	Huy	07/10/1993	Nam	2.38	Trung bình	Kế toán	LCKTKT59
28	1434010016	Nguyễn Thị	Huệ	16/02/1992	Nữ	2.47	Trung bình	Kế toán	LCKTKT59
29	1434010013	Phan Thanh	Hoa	14/03/1993	Nữ	2.52	Khá	Kế toán	LCKTKT59
30	1434010006	Nguyễn Văn	Đức	15/06/1990	Nam	2.75	Khá	Kế toán	LCKTKT59
31	1434010022	Trần Thị Lan	Hương	16/06/1993	Nữ	3.09	Khá	Kế toán	LCKTKT59
32	1331040312	Bùi Đăng	Quang	24/07/1991	Nam	2.28	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	LCMOKT58
33	1331040318	Nguyễn Văn	Thắng	06/03/1991	Nam	2.94	Khá	Kỹ thuật mỏ	LCMOKT58
34	1431040017	Nguyễn Huy	Hiệu	26/03/1991	Nam	2.18	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	LCMOMOS9
35	1431040019	Đào Văn	Huy	07/09/1993	Nam	2.28	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	LCMOMOS9
36	1431040024	Nguyễn Tiến	Mạnh	16/12/1993	Nam	2.3	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	LCMOMOS9
37	1431040016	Nguyễn Thế	Hiền	15/05/1992	Nam	2.31	Trung bình	Kỹ thuật mỏ	LCMOMOS9

MB

38	1431040037	Nguyễn Văn	Thích	03/09/1993	Nam	2.31	Trung bình	Kỹ thuật mô	LCMOMOS9
39	1431040035	Dương Minh	Thắng	21/07/1993	Nam	2.31	Trung bình	Kỹ thuật mô	LCMOMOS9
40	1431040031	Trịnh Hồng	Quân	08/02/1993	Nam	2.33	Trung bình	Kỹ thuật mô	LCMOMOS9
41	1431040018	Nguyễn Viết	Hoàng	16/08/1992	Nam	2.34	Trung bình	Kỹ thuật mô	LCMOMOS9
42	1431040022	Dương Mạnh	Khải	22/06/1993	Nam	2.35	Trung bình	Kỹ thuật mô	LCMOMOS9
43	1431040042	Hồ Sỹ	Tùng	03/10/1992	Nam	2.42	Trung bình	Kỹ thuật mô	LCMOMOS9
44	1431040013	Vũ Đức	Giang	14/08/1993	Nam	2.42	Trung bình	Kỹ thuật mô	LCMOMOS9
45	1431040023	Mai Văn	Mạnh	21/12/1993	Nam	2.45	Trung bình	Kỹ thuật mô	LCMOMOS9
46	1431040044	Hồ Hữu	Vinh	27/10/1993	Nam	2.45	Trung bình	Kỹ thuật mô	LCMOMOS9
47	1431040007	Nguyễn Thành	Công	22/11/1992	Nam	2.53	Khá	Kỹ thuật mô	LCMOMOS9
48	1431040028	Nguyễn Văn	Phú	21/09/1993	Nam	2.54	Khá	Kỹ thuật mô	LCMOMOS9
49	1431040027	Nguyễn Thắng	Phi	18/11/1991	Nam	2.55	Khá	Kỹ thuật mô	LCMOMOS9
50	1431040020	Trần Đình	Hưng	26/09/1993	Nam	2.56	Khá	Kỹ thuật mô	LCMOMOS9
51	1431040025	Vũ Văn	Mạnh	28/10/1993	Nam	2.57	Khá	Kỹ thuật mô	LCMOMOS9
52	1431040030	Nguyễn Việt	Phương	21/11/1993	Nam	2.64	Khá	Kỹ thuật mô	LCMOMOS9
53	1431040029	Trần Thiện	Phú	04/10/1992	Nam	2.68	Khá	Kỹ thuật mô	LCMOMOS9
54	1431040008	Phạm Văn	Dậu	22/02/1993	Nam	2.76	Khá	Kỹ thuật mô	LCMOMOS9
55	1431040038	Bùi Xuân	Thiện	20/08/1993	Nam	2.8	Khá	Kỹ thuật mô	LCMOMOS9
56	1331030302	Nguyễn Ngọc	Công	28/01/1991	Nam	2.25	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	LCTDDC58
57	1331030301	Vũ Đức	Anh	13/08/1992	Nam	2.27	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	LCTDDC58

Handwritten signature

58	1331030305	Phạm Thái	Học	17/11/1992	Nam	2.26	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bàn đồ	LCTDSTD58
59	1331030312	Ninh Đức	Quý	01/09/1992	Nam	2.84	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bàn đồ	LCTDSTD58
60	1431030026	Cao Thanh	Quang	10/12/1991	Nam	2.08	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bàn đồ	LCTDSTD59
61	1431030010	Nguyễn Thành	Đạt	30/08/1993	Nam	2.21	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bàn đồ	LCTDSTD59
62	1431030015	Nguyễn Văn	Hưng	25/09/1991	Nam	2.22	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bàn đồ	LCTDSTD59
63	1431030013	Hà Trần	Hải	10/04/1990	Nam	2.27	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bàn đồ	LCTDSTD59
64	1431030035	Phạm Văn	Thắng	06/07/1993	Nam	2.30	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bàn đồ	LCTDSTD59
65	1431030009	Cao Văn	Đạt	07/01/1992	Nam	2.35	Trung bình	Kỹ thuật trắc địa - Bàn đồ	LCTDSTD59
66	1431030028	Phạm Hoàng	Quý	22/09/1991	Nam	2.53	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bàn đồ	LCTDSTD59
67	1431030005	Lê Lương	Cường	20/05/1993	Nam	2.56	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bàn đồ	LCTDSTD59
68	1431030024	Nguyễn Văn	Phúc	09/06/1992	Nam	2.59	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bàn đồ	LCTDSTD59
69	1431030032	Đào Ngọc	Thái	11/08/1993	Nam	2.65	Khá	Kỹ thuật trắc địa - Bàn đồ	LCTDSTD59
70	1431030042	Phạm Thị Ngọc	Yến	24/12/1992	Nữ	3.22	Giỏi	Kỹ thuật trắc địa - Bàn đồ	LCTDSTD59
71	1431030038	Lương Đức	Thước	20/03/1989	Nam	3.26	Giỏi	Kỹ thuật trắc địa - Bàn đồ	LCTDSTD59
72	1331070302	Nguyễn Văn	Định	04/06/1992	Nam	2.39	Trung bình	Kỹ thuật công trình xây dựng	LCXDDC58
73	1331070311	Nguyễn Doãn	Nghĩa	26/01/1991	Nam	2.64	Khá	Kỹ thuật công trình xây dựng	LCXDDC58
74	1331070304	Lê Tiến	Hải	27/07/1992	Nam	2.86	Khá	Kỹ thuật công trình xây dựng	LCXDDC58
75	1331070317	Vũ Văn	Thùy	27/05/1986	Nam	2.88	Khá	Kỹ thuật công trình xây dựng	LCXDDC58
76	1331070310	Lưu Văn	Mùi	05/07/1991	Nam	2.90	Khá	Kỹ thuật công trình xây dựng	LCXDDC58
77	1331070303	Trần Quang	Hà	01/05/1988	Nam	2.20	Trung bình	Kỹ thuật công trình xây dựng	LCXDNM58

Handwritten signature

78	1431070013	Dương Đình	Lưu	14/12/1991	Nam	2.39	Trung bình	Kỹ thuật công trình xây dựng	LCXDXD59
----	------------	------------	-----	------------	-----	------	------------	------------------------------	----------

WC

Số: 221/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 06 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường đại học”;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH ngày 18 tháng 04 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất ban hành kèm theo Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 276/QĐ-MĐC ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Biên bản số /BB-MĐC ngày 25 tháng 11 năm 2016 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ-Địa chất;

Xét kết quả học tập của sinh viên liên thông cao đẳng lên đại học khóa 59 hệ chính quy;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học cho sinh viên Cao Thanh Quang sinh ngày 10/12/1991, khóa 59; Chuyên ngành: Trắc địa; Ngành đào tạo: Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ; Điểm Trung bình chung: 2,08; Xếp loại tốt nghiệp: Trung bình.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTĐH.(Thủ)



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. *Trần Thanh Hải*

Số: 2942/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường đại học”;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH ngày 18 tháng 04 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất ban hành kèm theo Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 276/QĐ-MĐC ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Biên bản họp ngày 25 tháng 11 năm 2016 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ-Địa chất;

Xét kết quả học tập của sinh viên Lào - Đại học khóa 56 hệ chính quy;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học cho sinh viên Xiaxenglee Leebouaxang sinh ngày 24/12/1989, khóa 56; Chuyên ngành: Khai thác; Ngành đào tạo: Kỹ thuật Mỏ; Điểm Trung bình chung: 2,55; Xếp loại tốt nghiệp: Khá.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /s/ *Đoan*

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTĐH₍₀₄₎

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Lê Hải An

Số: 2929 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường đại học”;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH ngày 18 tháng 04 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất ban hành kèm theo Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 276/QĐ-MĐC ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Biên bản họp ngày 25 tháng 11 năm 2016 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ-Địa chất;

Xét kết quả học tập của sinh viên đại học khóa 55 hệ chính quy;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học cho sinh viên Lại Mai Hương sinh ngày 27/07/1992, khóa 55; Chuyên ngành: Lọc-Hóa dầu; Ngành đào tạo: Công nghệ kỹ thuật hóa học; Điểm Trung bình chung: 3,27; Xếp loại tốt nghiệp: Giỏi.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / *Ưng*

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTĐH₍₀₄₎

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Lê Hải An

Số: 2948 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường đại học”;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy” ban hành kèm theo Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 06 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Xét kết quả học tập của sinh viên đại học khóa 53 hệ chính quy lưu lại;

Căn cứ Biên bản họp ngày 25 tháng 11 năm 2016 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ-Địa chất;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp Đại học cho sinh viên ngành đào tạo: Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ có tên sau:

- Vũ Ngọc Đoan sinh ngày 24/8/1988; chuyên ngành: Trắc địa; Ngành đào tạo: Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ; Điểm Trung bình chung: 6,34; Xếp loại TN: Trung bình khá.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTDH₍₀₄₎

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Lê Hải An

Số: 443/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường đại học”;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH ngày 18 tháng 04 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất ban hành kèm theo Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 276/QĐ-MĐC ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Biên bản họp ngày 25 tháng 11 năm 2016 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ-Địa chất;

Xét kết quả học tập của sinh viên đại học - khóa 56, khóa 57 và liên thông - khóa 59 hệ chính quy;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học cho 02 sinh viên ngành đào tạo: Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ, Kỹ thuật công trình xây dựng và Kế toán (Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTĐH₍₀₁₎



PGS.TS Lê Hải An

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP - ĐỢT 2 - NĂM 2016 (TÍN CHỈ)

(Kèm theo Quyết định số 443/QĐ-MĐC ngày 28 tháng 12 năm 2016)

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBTN	Xếp loại TN	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Lớp, khóa
1	1431070002	Phan Viết	Chính	30/8/1993	Nam	2,39	Trung bình	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	LT Xây dựng - Khóa 59
2	1221020417	Nguyễn Thị Mai	Phương	31/01/1994	Nữ	2,00	Trung bình	Kế toán	Kế toán	Kế toán D - Khóa 57

Handwritten signature

Số: 2947/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường đại học”;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH ngày 18 tháng 04 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất ban hành kèm theo Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 276/QĐ-MĐC ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Biên bản họp ngày 25 tháng 11 năm 2016 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ-Địa chất;

Xét kết quả học tập của sinh viên đại học - khóa 55 hệ chính quy;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học cho 02 sinh viên ngành đào tạo: Công nghệ kỹ thuật hóa học và Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ (Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTĐH₍₀₄₎

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Lê Hải An

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP - ĐỢT 2 - NĂM 2016 (TÍN CHỈ)
(Kèm theo Quyết định số 247/QĐ-MĐC ngày 28 tháng 12 năm 2016)

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TB TN	Xếp loại TN	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Lớp, khóa
1	1021010292	Lê Hoàng	Son	13/12/1992	Nam	2,15	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	Lọc-Hóa dầu B - K55
2	1021030138	Tổng Bá	Phuong	1/12/1992	Nam	2,67	Khá	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	Trắc địa C - K55

Handwritten signature

Số: 2952 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường đại học”;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH ngày 18 tháng 04 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất ban hành kèm theo Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 276/QĐ-MĐC ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Biên bản họp ngày 25 tháng 11 năm 2016 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ-Địa chất;

Xét kết quả học tập của sinh viên đại học - khóa 54, khóa 55, khóa 56 và liên thông khóa 59 hệ chính quy;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học cho 06 sinh viên ngành đào tạo: Công nghệ kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật Địa chất, Kỹ thuật Môi trường, Kỹ thuật Mỏ và Kỹ thuật Điện, điện tử (Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./. *Thơan*

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTĐH₍₀₄₎



PGSTS Lê Hải An

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP - ĐỢT 2 - NĂM 2016 (TÍN CHỈ)

(Kèm theo Quyết định số 2952/QĐ-MĐC ngày 28 tháng 12 năm 2016)

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBTN	Xếp loại TN	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Lớp, khóa
1	1121010293	Nguyễn Văn	Thái	11/9/1993	Nam	2,70	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	Lọc-Hóa dầu B - K.56
2	1121020204	Ngô Thế	Trung	27/4/1993	Nam	2,27	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất dầu khí	Địa chất dầu - K.56
3	1021060131	Nguyễn Văn	Tiến	5/10/1992	Nam	2,13	Trung bình	Kỹ thuật Điện-Điện tử	Điện-Điện tử	Điện-Điện tử - K.55
4	0821020099	Đỗ Xuân	Thủy	25/7/1990	Nam	2,29	Trung bình	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	Địa sinh thái - K.54
5	1431080005	Nguyễn Văn Thành	Trung	19/5/1993	Nam	2,06	Trung bình	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	L.T Kỹ thuật Môi trường - K.59
6	1021040614	Nguyễn Công	Anh	8/8/1991	Nam	2,61	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác	Khai thác C - K.55

WB

Số: 2951/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường đại học”;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy” ban hành kèm theo Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 06 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Xét kết quả học tập của sinh viên cao đẳng khóa 56 hệ chính quy lưu lại;

Căn cứ Biên bản họp ngày 25 tháng 11 năm 2016 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ-Địa chất;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp Cao đẳng cho sinh viên ngành đào tạo: Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ có tên sau:

- Phạm Trọng Hiếu sinh ngày 19/4/1993; chuyên ngành: Trắc địa; Ngành đào tạo: Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ; Điểm Trung bình chung: 6,29; Xếp loại TN: Trung bình khá; Lớp Cao đẳng Trắc địa B - Khóa 56.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./. *Thư*

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTDH₍₀₄₎

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Lê Hải An